**CHUYÊN ĐỀ** :

 “HƯỚNG DẪN HỌC SINH LỚP 9 VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI”

**PHẦN I: MỞ ĐẦU**

I. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

**1. Cơ sở lí luận:**

 Hiện nay, dạy học môn Ngữ văn đặc biệt hướng tới mục tiêu “hình thành và rèn luyện cho học sinh năng lực đọc hiểu cũng như năng lực tạo lập các loại văn bản". Chính vì thế, chương trình được tạo dựng theo các phân môn là Đọc hiểu văn bản, Tiếng Việt và Làm văn. Trong đó, Làm văn có chức năng rèn luyện kỹ năng viết văn bản. Trọng tâm của phân môn Làm văn là học làm văn nghị luận. Việc học làm văn nghị luận là một công việc, một yêu cầu trọng yếu trong nhà trường. Kiểu văn này giúp HS biết vận dụng, tổng hợp các tri thức đã học ở cả hai lĩnh vực tự nhiên và xã hội (XH), rèn luyện khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ rèn luyện tư duy logic khoa học, giúp HS phát triển năng lực đánh giá, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

Từ năm 2017, trong cấu trúc đề thi môn Ngữ văn của kì thi THPT Quốc gia và từ năm 2019 trong đề thi vào lớp 10 THPT của tỉnh Hải Dương phần văn NLXH được yêu cầu trình bày thành đoạn văn với giới hạn khoảng 200 chữ. Điều ấy cho thấy đoạn văn NLXH ngày càng được coi trọng. Chính vì thế việc phát triển năng lực viết đoạn văn NLXH cũng là một việc thiết yếu với HS trong quá trình học tạo lập văn bản.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi đã chọn đề tài *Hướng dẫn học sinh lớp 9 viết viết đoạn văn nghị luận xã hội* để làm đề tài nghiên cứu cho chuyên đề của mình

**2. Cơ sở thực tiễn**

**2.1. V**ề sách giáo khoa

SGK là phương tiện thể hiện cụ thể chương trình từng môn học. Đây là tài

liệu chủ yếu và cũng là cơ sở để GV dạy và HS học.

Bộ SGK Ngữ văn ở THCS đã có nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực. Các phân môn được xây dựng theo nguyên tắc tích hợp. Các bài làm văn nhằm dạy rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản cho học sinh được biên soạn và phân bố khá hợp lí.

Song, trong quá trình khảo sát phân môn Làm văn ở SGK, chúng tôi còn nhận thấy một hạn chế là các bài trong SGK mới chỉ chú trọng một số thao tác như phân tích đề, lập dàn ý, diễn đạt để viết văn mà chưa gắn với năng lực cá thể và năng lực XH của HS, chưa chú trọng về phương pháp tự học và ứng dụng tư duy NLXH vào giảiquyết vấn đề thực tiễn.

Lớp 9 không có tiết học nào hướng dẫn HS viết đoạn văn nghị luận xã hội.

**2.2. Thực trạng việc dạy của giáo viên**

Để xem xét việc dạy Làm văn nói chung và dạy viết đoạn văn NL nói riêng, chúng tôi đã khảo sát giáo án và phỏng vấn trực tiếp một số một số GV dạy môn Ngữ văn lớp 9 trong huyện, trong tỉnh về cách dạy viết đoạn văn NLXH. Chúng tôi nhận thấy còn một số hạn chế sau:

- Việc dạy trên lớp của giáo viên còn chưa sáng tạo, chưa chú trọng đến việc hướng dẫn học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội. Các GV mới chỉ dừng lại ở việc gợi ý tìm ý và hướng dẫn HS thực hành dựa trên ngữ liệu có sẵn (vì SGK chưa có bài riêng)

- Dạy thêm, dạy ôn thi THPT: GV chưa có kế hoạch cụ thể, còn lúng túng về phương pháp, chưa có sự định hướng cụ thể về cấu trúc, nhiều GV vẫn dạy học theo những phương pháp cũ: đọc - chép...

- Đặc biệt, sau khi công bố đáp án đề thi vào THPT năm 2019-2020 của Hải Dương, nhiều giáo viên trong toàn tỉnh nói chung và huyện Cẩm Giàng nói riêng hoặc vỡ lẽ, hoặc hoang mang, chưa biết hướng dẫn HS viết đoạn văn nghị luận thế nào sao cho sát và đúng với đề bài.

- Việc chữa bài, kiểm tra bài cho HS chưa được coi trọng.

**2.3. Thực trạng việc học của học sinh**

 - HS viết đoạn văn trên phương diện hoặc tiêu chí hình thức, chưa coi trọng nội dung. Do vậy, khi viết đoạn văn, tất yếu các em cũng chỉ chú trọng vào hình thức trình bày ở đặc điểm dễ chấp nhận nhất: không chấm xuống dòng. Còn trong một bài văn, đặc biệt là ở phần thân bài, HS tách đoạn một cách bừa bãi, không theo một tiêu chí nào. Thậm chí, có bài viết, phần thân bài được trình bày dưới hình thức một đoạn văn.

 - Năng lực liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn cuộc sống còn hời hợt, việc rút ra những bài học kinh nghiệm chưa sâu sắc và chân thành.

 - Các em chưa biết hoặc bỏ qua khâu dựng đoạn trước khi viết. Các em thường nhớ đâu viết đó, nghĩ gì viết đấy... Việc này dẫn tới kết quả là đoạn văn bị trình bày một cách lan man, các ý thiếu logic, không nhất quán. ...

* Không phân biệt được sự giống khác nhau giữa đoạn văn nghị luận xã hội và đoạn văn tự sự, miêu tả, biểu cảm…
* Viết lan man, không tập trung vào trọng tâm của đề.
* Kĩ năng lập luận, đưa dẫn chứng còn yếu…

**2.4. Sự thay đổi trong cách ra đề thi**

**Từ năm 2019 trở về trước, đề thi vào lớp 10 THPT, câu nghị luận xã hội yêu cầu học sinh viết bài văn bàn luận về một vấn đề nào đó thuộc tư tưởng đạo lí hay hiện tượng đời sống.**

**Ví dụ:**

 **Đề 1: Trong bài hát “*Bụi phấn*” của nhạc sĩ Vũ Hoàng (Ý thơ của Lê Văn Lộc) có đoạn ca từ sau:**

***“....Em yêu phút giây này***

***Thầy em tóc như bạc thêm***

***Bạc thêm vì bụi phấn***

***Cho em bài học hay....”***

 ***(*Theo *50 bài hát thiếu nhi hay nhất*, NXB Văn hóa thông tin, 2005, trang 10)**

 **Từ lời ca trên, em hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ về lòng biết ơn thầy cô.**

 **(*Đề thi vào lớp 10 THPT Hải Dương năm 2017*)**

 **Đề 2: Anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của nhà văn Nguyễn Thành Long có nhiều đóng góp cho cuộc đời những lại rất khiêm nhường. Từ vẻ đẹp này của nhân vật, hãy viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ của em về đức tính khiêm nhường.**

**(*Đề thi vào lớp 10 THPT Hải Dương năm 2018*)**

**Tuy nhiên từ năm học 2019, cấu trúc đề thi vào lớp 10 của tỉnh Hải Dương đã có sự thay đổi mà rõ nhất là câu nghị luận xã hội. Thay vì viết bài văn nghị luận thì đề chỉ yêu cầu học sinh viết một đoạn văn. Đặc biệt, dung lượng đoạn văn chỉ trong khoảng 200 chữ nghĩa là 2/3 trang giấy thi và số điểm cũng chỉ còn 2,0 điểm chứ không phải 3,0 điểm như trước nữa.**

**Ví dụ: Em hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của mình về thái độ cần có với quê hương đất nước.**

***(Đề thi vào lớp 10 THPT Hải Dương năm 2019)***

Qua việc nghiên cứu cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn, chúng tôi nhận thấy việc hướng dẫn viết đoạn văn NLXH cho HS lớp 9 là rất cần thiết. Nó xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn và nhu cầu phát triển năng lực của người học. Phát triển năng lực viết đoạn văn NLXH không chỉ giúp HS viết đúng mà còn viết hay, nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực vận dụng kiến thức đã học vào trong cuộc sống.

**II. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI, PHƯƠNG PHÁP**

1. Mục đích nghiên cứu

Chuyên đề “*Hướng dẫn học sinh lớp 9 viết đoạn văn nghị luận xã hội*” nhằm góp phần thể nghiệm định hướng dạy học mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra, nâng cao chất lượng dạy học, phát huy năng lực của HS đáp ứng nhu cầu của XH.

Để đạt được những mục đích trên, nhiệm vụ của chuyên đề là:

- Hệ thống hóa cơ sở lí luận, khảo sát chương trình SGK, thực tiễn dạy học Làm văn và viêc dạy học phát triển năng lực viết đoạn văn NLXH cho HS lớp 9 ở trường THCS.

 - Đề xuất và kiểm tra tính khả thi của các hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực viết đoạn văn NLXH cho đối tượng là HS lớp 9.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

 - Đối tượng của chuyên đề tập trung vào việc nghiên cứu hướng dẫn viết đoạn văn NLXH cho học sinh lớp 9.

- Phạm vi nghiên cứu: Văn NLXH được dạy ở cả THCS và THPT. Trong phạm vi chuyên đề của mình, vì thời gian nghiên cứu hạn hẹp và dung lượng không cho phép, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề hướng dẫn viết đoạn văn NLXH cho HS lớp 9 ở trường THCS.

**3. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm đề tài, chúng tôi đã dùng một số phương pháp nghiên cứu sau:

 - Phương pháp nghiên cứu lí thuyết

 - Phương pháp quan sát

 - Phương pháp phân tích

 - Phương pháp tổng hợp

- Phương pháp thống kê, xử lí số liệu

**PHẦN II: NỘI DUNG**

**I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ YÊU CẦU CỦA VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**1. Bài văn nghị luận xã hội**

**1.1. Khái niệm:**

Theo từ điển Hán Việt, “nghị luận” là dùng lí luận để phân tích ý nghĩa phải trái, bàn bạc, mở rộng vấn đề. Còn “xã hội” trước hết là là một tập thể người cùng sống, gắn bó với nhau trong quan hệ sản xuất và các quan hệ khác. Cũng có thể hiểu “xã hội” là những gì thuộc về quan hệ giữa người với người về các mặt chính trị, kinh tế, lịch sử, văn học, ngôn ngữ…**Từ đó có thể hiểu nghị luận xã hội là thể văn hướng tới phân tích, bàn bạc về các vấn đề liên quan đến các mối quan hệ con người trong đời sống xã hội. Mục đích cuối cùng là tạo ra những tác động tích cực đến con người và những mối quan hệ giữa con người với con người trong đời sống xã hội. (Dạy và học văn Nghị luận – Đỗ Ngọc Thống)**

**1.2. Yêu cầu của một bài văn NLXH**

- Yêu cầu đầu tiên của một bài văn NLXH là phải **đảm bảo kĩ năng nghị luận nói chung** (Tập trung hướng tới luận đề để bài viết không quá tản mạn, có ý thức triển khai thành những luận điểm chặt chẽ, nhất quán, tìm được những dẫn chứng xác đáng, giàu sức thuyết phục.).

- Bên cạnh đó cần **đảm bảo về kiến thức mang màu sắc chính trị- xã hội** (những hiểu biết về  chính trị- pháp luật, những kiến thức cơ bản về  truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội, tâm lí- xã hội, những tin tức thời sự cập nhật…).

 - Cuối cùng, cần **đảm bảo mục đích, tư tưởng đúng đắn** (phải xuất phát từ lập trường tiến bộ, cao đẹp, vì con người, vì sự tiến bộ chung của toàn xã hội…để bàn bạc, khen chê, đề xuất ý kiến.)

**1.3. Các dạng bài văn nghị luận xã hội lớp 9**

**Văn nghị luận xã hội gồm có các dạng sau:**

- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí

- Nghị luận xã hội về một sự việc, hiện tượng đời sống

**- Nghị luận xã hội về một vấn đề được đặt ra trong tác phẩm văn học**

 Trong chương trình Ngữ văn THCS, văn NLXH được chia thành 2 dạng là NL về một tư tưởng đạo lí và NL về một hiện tượng XH.

**1.3.1. Nghị luận** về một tư tưởng đạo lí

**a Khái niệm nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**

- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống…của con người.

**b. Yêu cầu của bài văn nghị  luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.**

**- Về nội dung**: phải làm sáng tỏ vấn đề bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh đối chiếu, phân tích, bình luận… để chỉ ra chỗ đúng hoặc sai của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

**- Về hình thức**: phải có bố  cục ba phần; có luận điểm đúng đắn, sáng tỏ; lời văn chính xác, gợi cảm.

**c. Đề bài về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**

 Các tư tưởng đạo lí thường được đưa ra dưới hình thức là một câu danh ngôn, một nhận định, đánh giá, hoặc một câu chuyện, đoạn văn, đoạn thơ nào đó để yêu cầu người viết thể hiện quan điểm, thái độ của mình. Ví dụ:

Đề l: Viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu ngạn ngữ Hi Lạp: “Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào”.

Đề 2: Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của lòng vị tha.

Đề 3: Đoạn thơ:

*“Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc*”

 (“*Mùa xuân nho nhỏ*” – Thanh Hải)

Đoạn thơ gợi cho em những cảm nghĩ gì về ý nghĩa cuộc sống của mỗi con người. (Ngữ văn 9)

**d. Dàn ý chung của bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**

**\*. Mở bài**

**-**Giới thiệu khái quát tư tưởng, đạo lý cần nghị luận.

- Giới thiệu/ trích dẫn tư tưởng, đạo lý mà đề bài đưa ra.

**\*.** **Thân bài**

**- Luận điểm 1: Giải thích yêu cầu đề**

+ Cần giải thích rõ nội dung tư tưởng đạo lý.

+ Giải thích các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm, nghĩa đen, nghĩa bóng (nếu có).

+ Rút ra ý nghĩa chung của tư tưởng, đạo lý; quan điểm của tác giả qua câu nói (thường dành cho đề bài có tư tưởng, đạo lý được thể hiện gián tiếp qua câu danh ngôn, tục ngữ, ngạn ngữ…).

**- Luận điểm 2: Phân tích và chứng minh**

+ Các mặt đúng của tư tưởng, đạo lý (thường trả lời câu hỏi tại sao nói như thế?).

+ Phân tích ý nghĩa của vấn đề.

+ Dùng dẫn chứng để chứng minh.

-> Từ đó khẳng định tầm quan trọng, tác dụng của tư tưởng, đạo lý đối với đời sống xã hội.

**- Luận điểm 3: bình luận mở rộng vấn đề**

+ Bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến tư tưởng, đạo lý (vì có những tư tưởng, đạo lý đúng trong thời đại này nhưng còn hạn chế trong thời đại khác, đúng trong hoàn cảnh này nhưng chưa thích hợp trong hoàn cảnh khác).

+ Mở rộng những vấn đề liên quan

**- Rút ra bài học nhận thức và hành động**

**+**Rút ra những kết luận đúng để thuyết phục người đọc.

+ Áp dụng vào thực tiễn đời sống.

**\*.** **Kết bài**

**-**Nêu khái quát đánh giá ý nghĩa tư tưởng đạo lý đã nghị luận.

- Mở ra hướng suy nghĩ mới.

Yêu cầu về nội dung của các bài NL này là làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng, đạo lí, bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích... để chỉ ra chỗ đúng/sai của tư tưởng nào đó, nhằm thể hiện quan điểm, tư tưởng của người viết.

**1.3.2**. **Nghị luận về một sự việc, hiện** tượng đời sống

**a. Khái niệm**

**-**Nghị luận về một hiện tượng đời sống là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ*.*

**b. Đề bài về một sự việc, hiện** tượng đời sống

Thông thường, những hiện tượng mà đề bài đề cập tới thường là những hiện tượng nổi bật, tạo được sự chú ý và có tác động đến đời sống XH. Đó có thể là những hiện tượng tốt đẹp, tích cực trong đời sống, cũng có thể là những hiện tượng mang tính chất tiêu cực, đang bị XH lên án, phê phán như:

 + Ô nhiễm môi trường, sự nóng lên của trái đất, nạn phá rừng, thiên tai lũ lụt…
+ Bạo hành gia đình, bạo lực học đường, tai nạn giao thông…

+ Chảy máu rừng, chảy máu chất xám…
+ Phong trào tiếp sức mùa thi, giúp đỡ đồng bào lũ lụt, nạn nhân chất độc màu da cam, tấm gương người tốt, việc tốt, nếp sống đẹp…

**Ví dụ:**

**Đề 1**: Bàn về hiện tượng nghiện game online hiện nay ở giới trẻ. (đặc biệt là học sinh hiện nay.)

**Đề 2:** Nước ta có nhiều tấm gương vượt lên số phận, học tập thành công (như anh Nguyễn Ngọc Kí bị hỏng tay, dùng chân viết chữ; anh Hoa Xuân Tứ bị cụt tay, dùng vai viết chữ; anh Đỗ Trọng Khơi bị bại liệt đã tự học, trở thành nhà thơ; anh Trần Văn Thước bị tai nạn lao động, liệt toàn thân đã tự học, trở thành nhà văn,...). Lấy nhan đề "Những người không chịu thua số phận", em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của mình về những con người ấy.

**Đề 3:** Có những bạn trẻ chỉ biết mải mê dán hình thần tượng khắp nơi; chỉ biết đắm chìm trong sở thích của riêng mình;…

Họ đâu thấy rằng bên cạnh họ có những người đang vì họ mà vất vả, lo toan; có những người đã dành cho họ bao nhiêu yêu thương, trìu mến;…

Những bạn trẻ ấy đâu biết rằng họ đang sống vô cảm ngay trong chính gia đình mình.

Viết bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

**c. Dàn ý về một sự việc, hiện** tượng đời sống

**\* Mở bài:**

Giới thiệu hiện tượng đời sống phải nghị luận.

**\* Thân bài**

- Luận điểm 1: Giải thích sơ lược hiện tượng đời sống; làm rõ những hình ảnh, từ ngữ, khái niệm trong đề bài.

- Luận điểm 2: Nêu rõ thực trạng các biểu hiện và ảnh hưởng của hiện tượng đời sống.

+ Thực tế vấn đề đang diễn ra như thế nào, có ảnh hưởng ra sao đối với đời sống, thái độ của xã hội đối với vấn đề.

- Luận điểm 3: Lí giải nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đời sống (khách quan – chủ quan ) bằng các thao tác phân tích, chứng minh

- Luận điểm 4: Nêu tác dụng – ý nghĩa (nếu là hiện tượng tích cực; tác hại- hậu quả (nếu là hiện tượng tiêu cực)

- Luận điểm 5: Đ ề xuất giải Giải pháp phát huy (nếu là hiện tượng tích cực); biện pháp khắc phục (nếu hiện tượng tiêu cực)

**\* Kết bài**

- Bày tỏ ý kiến của bản thân về hiện tượng xã hội vừa nghị luận

- Rút ra bài học về nhận thức, hành động cho bản thân

Tóm lại, khi làm các bài văn NLXH, HS được rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản ở cả dạng nói và viết. Quan trọng là các em được thể hiện quan điểm, thái độ của mình trước những hiện tượng XH nổi cộm, những tư tưởng đạo lí gần gũi... Từ đó góp phần hình thành những phẩm chất mang tính nhân văn, những năng lực cầnthiết cho cuộc sống.

**2. Đoạn văn**

**2.1. Khái niệm:**

Đoạn văn là đơn vị điển hình và đơn vị cơ sở của văn bản. Nó là một thể thống nhất thường bao gồm nhiều câu, triển khai một tiểu chủ đề nhất định. Đoạn văn thường bắt đầu bằng chữ cái in hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

Nói cách khác, đoạn văn là một tập hợp câu có liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức, diễn đạt tương đối hoàn chỉnh một chủ đề nào đó.

Về số lượng câu, đoạn văn có thể có một câu, nhiều câu hoặc không có câu nào (tập hợp rỗng).

Tính liên kết của đoạn văn thể hiện ở cả hai phương diện: nội dung và hình thức.

Một đoạn văn được xem là hoàn chỉnh khi mang chủ đề bộ phận trọn vẹn ở cấp độ nhỏ nhất, các câu dưới đoạn chỉ có chức năng thể hiện, triển khai chủ đề của đoạn.

2.2. Cách trình bày nội dung của đoạn văn

2.2.1.**Diễn dịch**: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý nghĩa khái quát đứng ở đầu đoạn, các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề. Khi đứng ở đầu câu, câu chủ đề thường làm nhiệm vụ định hướng triển khai nội dung cho toàn đoạn vãn.

Ví dụ: “**Đặc biệt với giới trẻ, sự lãnh đạm, thờ ơ đang diễn ra như một điều bình thường trong cuộc sống**. Thờ ơ với lịch sử dân tộc, thờ ơ với những giátrị văn hóa cổ truyền, thờ ơ với những người ăn xin trên đường, thờ ơ với bà cụ muốn được giúp qua đường... Và đáng sợ hơn, chúng ta đang dần vô cảm, thờ ơ với cả cái xấu. Vô cảm khi thấy một kẻ gian đương móc túi người khác, vô cảm với những văn hóa đồi trụy tràn lan trên mạng... ”.

Trong đoạn văn trên, câu chủ đề là câu 1 đã nêu lên một vấn đề: “*sự* **lãnh đạm, thờ ơ đang diễn ra như một điều bình thường trong cuộc sống**”. Sau đó, người viết đã đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng để làm nổi bật, làm rõ vấn đề đặt ra trong câu chủ đề. Từ đây, ta có thể sơ đồ hóa đoạn văn diễn dịch như sau:



**2.2.2. Quy nạp**: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát, từ ý luận cứ cụ thể đến ý kết luận bao trùm. Theo cách trình bày này câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn. Khi đó, câu chủ đề làm nhiệm vụ khái quát chung cho nội dung của đoạn văn.

Ví dụ: “Dầu vậy nhưng không phải ai sinh ra đã được trời phú cho tư chấtvà cá tính rõ ràng và không phải ai cũng có khả năng tìm được cái mới có tính chất đột phá. Vì vậy, suy nghĩ khác còn có thể hiểu là những lối suy nghĩ tích cực, vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn để không rơi vào chán nản, tuyệt vọng. Còn nhớ câu chuyện của nhà bác học Ê-đi-xơn đã phải thử 1000 nguyên liệu và thất bại hàng nghìn lần mới tìm ra được chất làm dây bóng đèn. Họa sĩ thiên tài Lê-ô-na Đờ Vanh-xi phải học vẽ bắt đầu từ một quà trứng hơn ba mươi lần mới vẽ được cái tiếp theo. Điều thiết yếu trong cuộc sống luôn là sự chăm chỉ, ưa tìm tòi, học hỏi và khám phá, không sợ những thất bại trước mắt và từ những thất bại ấy rút ra những kinh nghiệm cho bước tiến sau này. **Suy nghĩ khác còn là cách học để đối diện với thất bại và vươn lên từ thất bại, không bao giờ tự giớỉ hạn chính mình**”.

Từ những lí lẽ và dẫn chứng về tinh thần vươn lên từ thất bại, người viết đã đi đến một khái quát chung: “**Suy nghĩ khác còn là cách học để đối diện với thất bại và vươn lên từ thất bại, không bao giờ tự giới hạn chính mình**”. Có thể sơ đồ hóa đoạn văn trình bày theo kết cấu quy nạp như sau:



**2.2.3.Tổng - phân - hợp**: là đoạn văn phối hợp diễn dịch với qui nạp, phân tích

và tổng hợp. Trong đó, người viết xuất phát từ những tiền đề đưa ra đã được chứng minh, giải thích, phân tích để rút ra những nhận xét, đánh giá khái quát về ýnghĩa giá trị của vấn đề.

 Ví dụ 1: “**Người ta vẫn quen nhìn thời gian như một định luật đưa tới già nua, tàn tạ hủy diệt nhưng không mấy ai nghĩ rằng chính nhờ có thời gian nên mới có tác động, hiện hữu, nảy sinh**. Nếu không có thời gian, thì sẽ không bao giờ có sự sống. Không có sự hình thành của Trái Đất, không có sự kết hợp của các phân tử thành các cơ thể đơn bào, rồi đa bào, không có sự xuất hiện của các loài cỏ cây, cầm thú không có sự tiến hóa liên tục cho tới loài người với bộ óc tinh vi, sáng tạo. **Đó là những thành quả của sự tiến hóa không ngừng của vạn vật, tức là những thành quả của thời gian**”.

 Trong đoạn văn trên, câu thứ nhất nêu khái quát chủ đề của đoạn. Những câu tiếp theo đưa ra các ý kiến phân tích, chứng minh. Câu cuối khái quát nâng cao vấn đề bằng một ý nhận xét, đánh giá. Như vậy, ta có thể sơ đồ hóa đoạn văn tổng - phân - hợp như sau:



Ví dụ 2: Tiếng Việt chúng ta rất đẹp (1). Đẹp như thế nào đó là điều khó nói (2). Chúng ta không thể nói tiếng ta đẹph như thế nào, cũng như ta không thể nào phân tích cái đẹp của ánh sáng, của thiên nhiên (3). Nhưng đối với chúng ta là người Việt Nam, chúng ta cảm thấy thưởng thức một cách tự nhiên cái đẹp của tiếng ta, tiếng nói của quần chúng nhân dân trong ca dao và dân ca, lời văn của các nhà văn lớn (4).Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp, bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp (5). *(Phạm Văn Đồng)*

**2.2.4. Móc xích**: **Đoạn văn không có câu chủ đề**

**Chủ đề triển khai theo hướng ý của câu sau kế tục ý của câu trước, lặp hoặc thế từ ngữ cuối câu trước ở đầu câu sau.**

**Ví dụ 1:**

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tăng gia sản xuất (1). Muốn tăng gia sản xuất thì phải có kĩ thuật tiên tiến (2). Muốn sử dụng kĩ thuật thì phải có văn hóa (3). Vậy việc bổ túc văn hóa là cực kì cần thiết (4). (Hồ Chí Minh)

 ***Ví dụ 2:***

**“Đọc thơ Nguyễn Trãi, nhiều người đọc khó mà biết có đúng là thơ Nguyễn Trãi không. Đúng là thơ Nguyễn Trãi thì cũng không phải là dễ hiểu đúng. Lại có khi hiểu đúng từ, đúng câu mà toàn bài không hiểu. Không hiểu vì không biết chắc bài thơ được viết ra vào lúc nào trong cuộc đời chìm nổi của Nguyễn Trãi.”**

**2.2.5. Song hành**: **Đoạn văn không có câu chủ đề**

**Mỗi câu trong đoạn triển khai một phương diện của chủ đề. Chúng ngang hàng nhau về vai trò, chức năng ngữ pháp. Thường sử dụng phép lặp cú pháp.**

**Ví dụ**

***“Ca dao là bầu sữa nuôi dưỡng tuổi thơ. Ca dao là hình thức trò chuyện tâm tình của những chàng trai cô gái. Ca dao là tiếng nói biết ơn, tự hào về công đức của tổ tiên và anh linh của những người đã khuất. Ca dao là phương tiện bộc lộ nỗi tức giận hoặc niềm hân hoan của người lao động”.***

II. CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1. **Đoạn văn nghị luận xã hội**

- Đoạn văn NL là đơn vị cấu tạo nên bài văn NL. Hai tác giả Đình Cao và Lê A cho rằng: Đoạn văn NL "... biểu hiện sự vận động của tư tưởng, tình cảm, là dấu hiệu chỉ ra sự bắt đầu một ý tưởng mới, chấm dứt đoạn là dấu hiệu kết thúc một dòng suy nghĩ, ở chỗ chuyển mạch văn”. Những đặc điểm, yêu cầu của đoạn văn NL cũng chính là những đặc điểm yêu cầu của đoạn văn NLXH.

- Trong một bài văn NL, tùy theo từng nhiệm vụ mà đoạn văn có những yêu cầu khác nhau. Đoạn văn mở bài nêu lên luận điểm trọng tâm mà người viết cần làm sáng tỏ trong bài. Phần thân bài bao gồm nhiều đoạn văn. Mỗi đoạn văn ở phần thân bài có thể nêu lên một vấn đề xoay quanh luận đề - vấn đề đó thường được nêu trong câu chủ đề. Đó là luận điểm mà người viết muốn làm sáng tỏ, muốn thuyết phục người đọc, người nghe và thuyết phục chính mình. Đoạn văn kết bài có nhiệm vụ tổng hợp lại các nội dung cụ thể đã trình bày, khẳng định hoặc phủ nhận vấn đề đã nêu lên ở mở bài.

- Yếu tố quan trọng của đoạn văn NL là lập luận - tức là “biết nêu và giải quyết vấn đề, biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ điều mình muốn nói, để người đọc hiểu, tin và đồng tình với*mình*”. Nghệ thuật lập luận phụ thuộc vào cách dẫn dắt, phân tích, việc hành văn, cách dùng từ, đặt câu... Lập luận thể hiện năng lực suy lí, năng lực thuyết phục của người viết cũng là yếu tố quan trọng tạo nên sự logic, độ chính xác, sắc bén và có tính nghệ thuật của đoạn văn NL.

2. **Yêu cầu chung một đoạn văn nghị luận xã hội**

***\* Mỗi đoạn thực hiện một nhiệm vụ:***

 **- Mở bài**: Là một đoạn văn có nhiệm vụ giới thiệu chủ đề và ý trọng tâm;cung cấp cho người đọc các thông tin đủ để hiểu các ý khái quát trong bài.

 -**Thân bài**: Gồm nhiều đoạn văn - mỗi đoạn văn đưa ra một câu chủ đề, liên quan trực tiếp đến chủ đề chính và phát triển chủ đề đó.

 **- Kết bài:** Là một đoạn văn có nhiệm vụ tổng kết các ý chính trong bài, giúp cho bài văn có ý toàn vẹn.

Như vậy, một bài văn NL gồm nhiều đoạn văn. Tùy vào từng vị trí mà cácđoạn văn có nhiệm vụ và cách triển khai khác nhau. Muốn viêt được một đoạn văn thì phải có kiến thức về nó.

**\* Yêu cầu của đoạn văn nghị luận xã hội.**

**- Có sự thống nhất nội tại chặt chẽ**

 **Để đảm bảo tính hướng nội, giúp đoạn văn có vị thế tương đối độc lập, đoạn văn phải thể hiện trọn vẹn một tiểu chủ đề; đảm bảo sự chặt chẽ về mặt logic; phản ánh đúng đắn sự tồn tại của hiện thực như vốn có; các câu phải có sự thống nhất giữa các ý; phải tiếp nối có quan hệ chặt chẽ với nhau và được sắp xếp theo đúng quy luật nhận thức và tư duy của con người.**

**Ví dụ:**

**Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự chân thành trong tình yêu thương.**

**“Tình yêu thương là báu vật của loài người nhưng yêu thương chỉ có giá trị thực sự khi nó gắn với sự chân thành. Chân thành là không giả dối,luôn xuất phát từ giá trị và tình cảm thực sự. Chân thành trong tình yêu thương nghĩa là dành cho người tình cảm thật của lòng mình,không hành động khác điều suy nghĩ. Sự chân thành đã quý nhưng chân thành trong tình yêu thương còn quý hơn nhiều. Bởi vì, yêu thương thuộc về thế giới tinh thần sâu thẳm không dễ gì đoán định và nắm bắt. Trong tình yêu, người ta luôn muốn cho đi và nhận lại. Khi đó, chân thành tạo cơ sở, nền tảng vững chắc cho mọi mối quan hệ. Mặt khác, cái gì xuất phát từ trái tim cũng sẽ dễ chạm đến trái tim con người. Sự chân thành làm nên gương mặt tâm hồn con người, tạo sự đồng cảm, thấu hiểu và thiện chí ở những người xung quanh. Chân thành còn giúp nâng cao vị thế, tạo sự tin tưởng và gắn kết bền vững. Vậy nên, chúng ta hãy học cách yêu thương chân thành để cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn mỗi ngày!”**

***-* Có sự liên kết các câu trong đoạn**

 **Để diễn đạt trọn vẹn một nội dung, các câu trong đoạn văn phải liên kết với nhau thông qua các phép liên kết hình thức như: phép lặp, phép thế, phép nối...**

**Ví dụ**

“... Mục đích của giao tiếp là phải truyền tải được các thông điệp. Muốn truyền tải thành công, những suy nghĩ cũng như ý tưởng của bạn phải truyền đi một cách hiệu quả nhất. Nếu không, những ý tưởng của bạn sẽ không được phản ánh, gây hiểu lầm và tạo ra những rào cản để bạn đạt được mục tiêu. Brian Tracy, một trong diễn giả hàng đầu thế giới trong lĩnh vực tư vấn quản trị nhân sự đã nói:“Để thành công trong cuộc sống, công việc và sự nghiệp, bạn cần học kỹ năng giao tiếp. 85% thành công của bạn sẽ được quyết định bởi chính khả năng xây dựng các mối quan hệ của mình và chỉ có 15% được quyết định bởi bằng cấp, kiến thức và trí thông minh của bạn”. Giao tiếp hiệu quả chính là bí quyết thành công của mỗi người trong cuộc sống. Giao tiếp không đơn thuần là một kỹ năng mà thực chất là một nghệ thuật. Và bạn là một nghệ sĩ, một diễn viên, một người viết kịch bản đồng thời là một đạo diễn tạo nên thành công của mình trước công chúng. Giao tiếp là một kỹ năng đời thường và cũng là một nhu cầu cơ bản của con người. Nói chuyện với người khác, trao đổi thông tin với người khác là một việc không dễ và thật sự khó khăn để bạn có thể tạo ấn tượng với họ khi giao tiếp”

**(Trích 50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường, NXB Khoa học xã hội, 2016, tr. 293-294)**

**- Đoạn văn viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận**

**“*Mỗi người đều phải leo lên những bậc thang đời mình. Có người mơ ước xa: đến đỉnh cao nhất. Có người ước mơ gần: một hai bậc, rồi sau đó, một hai bậc tiếp theo. Có người cứ lặng lẽ tiến bước theo mục tiêu của mình, gạt bỏ mọi thị phi. Có người đi chu du một vòng thiên hạ, nếm đủ đắng cay rồi mới chịu trở về với ước mơ ban đầu. Nhưng cũng có người lỡ bay xa quá và không thể điều khiển đời mình được nữa, chỉ còn buông xuôi và tiếc nuối. Tôi nhận ra rằng, thực ra, ước mơ chẳng đưa ta đến đâu cả, chỉ có cách thức mà bạn thực hiện ước mơ mới đưa bạn đến nơi bạn muốn.”***

***(Trích Nếu biết trăm năm là hữu hạn, Phạm Lữ Ân, NXB Hội Nhà văn; 2017; trang 160-161)***

**3. Một số thao tác NL thường được sử dụng trong đoạn văn NL**

 **- Chứng minh một vấn đề** là dùng những lí lẽ và bằng chứng chân thực đã

được thừa nhận để làm sáng tỏ vấn đề đưa ra là đáng tin cậy.

**- Giải thích một vấn đề** là dùng lí lẽ để giảng giải, cắt nghĩa, giúp người đọc, người nghe hiểu rõ một hiện tượng, một vấn đề nào đó. Muốn giải thích rõ, người viết nên bắt đầu bằng việc nêu các câu hỏi: Là gì? Như thế nào?...

 **- Phân tích** là “phép lập luận đem một sự việc, hiện tượng, khái niệm mà phân chia thành các bộ phận tạo thành rồi tìm ra các tính chất, đặc điểm bản chất của chúng cùng mối quan hệ qua lại của chúng với nhau ”. Phân tích còn là chỉ ra các mối liên hệ giữa sự vật này với sự vật kia, vạch ra nguyên nhân, hậu quả, chỉ ra mâu thuẫn và xu hướng vận động của nó.

 **- Tổng hợp** là “đem các bộ phận, các đặc điểm của một sự vật đã được phân tích riêng mà liên hệ lại với nhau để nêu ra nhận định chung về sự vật ấy”. Đây là thao tác NL được sử dụng sau khi người viết sử dụng thao tác NL phân tích.

Đây là các thao tác nghị luận mà các em đã được học trong chương trình Ngữ văn 7, 9. Ngoài ra còn có một số thao tác khác:

 **- So sánh** là “làm sáng rõ đối tượng đang nghiên cứu trong tương quan với đối tượng khác”. So sánh đúng làm cho đoạn văn NL sáng rõ, cụ thể, sinh động và có sức thuyết phục.

 **- Bác bỏ** là “dùng lí lẽ và dẫn chứng đúng đắn, khoa học để chỉ rõ những sai lầm, lệch lạc, thiếu khoa học của một quan điểm, ý kiến nào đó”.

 **- Bình luận** nhằm đề xuất và thuyết phục người đọc (người nghe) tán đồng với nhận xét, đánh giá, bàn luận của mình về hiện tượng (vấn đề) trong đời sốnghoặc trong văn học.

Một đoạn văn có thể sử dụng một hoặc nhiều thao tác NL tùy vào vấn đề đặt ra. Để viết được đoạn văn NL với độ chính xác cao, giàu sức thuyết phục thì người viết phải nắm vững và biết huy động các thao tác NL một cách có hiệuquả để triển khai vấn đề.

**4. Cách viết đoạn văn cho từng dạng đề**

**4.1. Nghị luận về một tư tưởng đạo lí**

Để triển khai bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí cần xác định đúng nội dung tư tưởng, đạo lí đặt ra trong đề bài; căn cứ vào nội dung đó mà giải thích, phân tích, bình luận để làm sáng tỏ vấn đề và rút ra bài học

 Cách viết từng đoạn trong bài như sau:

**4.1.1. Viết đoạn mở bài:** cách trực tiếp, cách gián tiếp… Một số cách mở bài gián tiếp:

 + Từ những câu chuyện, câu thơ, tục ngữ, ca dao, lời bài hát…dẫn dắt vào nội dung bàn luận

 + Định nghĩa vấn đề cần bàn luận

 + Đặt ra những câu hỏi về vấn đề cần bàn luận

- Giới thiệu tư tưởng, đạo lí cần bàn luận, trích dẫn (nếu đề bài đưa ra ý kiến bàn luận).

**4.1.2. Viết đoạn văn giải thích khái niệm**

 Tùy theo từng yêu cầu cụ thể mà GV hướng dẫn HS mức độ và cách giải thích có thể sẽ khác nhau. Ví dụ: với câu ngạn ngữ “*Thời gian là vàng”* điều cần giải thích trước hết là khái niệm *thời gian* và *vàng* rồi trên cơ sở đó giải thích cắt nghĩa nội dung câu ngạn ngữ. Với lời dạy của Phật: *Giọt nước chỉ hòa vào biển cả mới không cạn mà thôi,* trước hết cần xác định nghĩa đen của những từ *giọt nước*, *biển cả, không cạn* rồi suy ra nghĩa bóng.

 Có những đề bài, khâu giải thích có thể làm gọn gàng, đơn giản nhất là khi trong yêu cầu, nhận định không có những khái niệm phức tạp, khó hiểu hay những hình ảnh có khả năng khơi gợi những tư tưởng sâu xa. Song cũng có những đề bài khâu giải thích rất công phu. Ví dụ quan niệm về việc đọc sách: *Đọc là biến đi khỏi thế giới. Đọc là tìm lại thế giới. Đọc là còn lại một mình với cả thế giới trong tay* có rất nhiều mệnh đề cần giải thích. Nếu không giải thích tường tận những mệnh đề đó sẽ không xác định nổi ý nghĩa, phạm vi ý nghĩa trong quan điểm về ý nghĩa của việc đọc sách.

**4.1.3. Viết đoạn văn phân tích, lí giải**

Bản chất của đoạn văn này là người viết phải giảng giải nghĩa lí của vấn đề được đặt ra để làm sáng tỏ bản chất vấn đề cùng với các khía cạnh các mối quan hệ của nó. Phần này thực chất là trả lời câu hỏi: *Tại sao? Vì sao*?

 Để làm được việc này GV hướng dẫn HS cần tách vấn đề ra nhiều khía cạnh nhỏ để xem xét, nghiên cứu. Muốn đặt ra các câu hỏi thật sự cần thiết cho việc giải quyết yêu cầu của đề. Cần làm thật tốt khâu giải thích để xác định chính xác vấn đề mà đề bài đặt ra cùng với các khía cạnh và phương diện của nó

 Ví dụ: với vấn đề nhận thức được đặt ra trong câu thơ của Tố Hữu “*Ôi! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn*” thì phải giải thích để xác định rằng: Sống đẹp là lối sống tích cực, lối sống cao cả mà con người hướng tới. Chúng ta hướng dẫn học sinh đặt ra những câu hỏi sau:

 *+ Sống đẹp là sống có lí tưởng như thế nào?*

 *+ Sống đẹp là sống có những phẩm chất gì?*

 *+ Sống đẹp là sống có mối quan hệ như thế nào với mọi người*….?

 Với các câu hỏi đó thì học sinh thấy rõ: Sống đẹp là sống tích cực xuất phát từ lòng nhân ái, bao dung, vị tha và biết tha thứ, biết hướng thiện. Sống đẹp là sống có lí tưởng, hoài bão và ước mơ và bằng nghị lực, bằng ý chí, kiên định phấn đấu để đạt ước mơ đó. Sống đẹp là dám đấu tranh với khó khăn, thử thách, hi sinh, không sợ nguy hiểm, không sợ thất bại….

**4.1.4. Viết đoạn văn bình luận, đánh giá**

Đây là đoạn văn người viết bộc lộ nhận thức về vấn đề ở mức cao nhất, cũng là phần việc khó khăn nhất. Vì vậy, GV hướng dẫn HS cần phải đánh giá vấn đề ở các bình diện khía cạnh khác nhau: Ý nghĩa tư tưởng, ý nghĩa thực tế, mức độ đúng – sai, đóng góp – hạn chế….Từ sự đánh giá trên các bình diện HS nhìn nhận giá trị của vấn đề như một bài học kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như trong học tập, trong nhận thức cũng như trong tư tưởng, tình cảm…Ngoài ra, tùy theo yêu cầu của từng bài mà có thể bổ sung, thêm bớt các phần: liên hệ, mở rộng, rút ra bài học….

 Ví dụ: Với quan niệm của Tố Hữu “*Ôi! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn*” phần này cần đảm bảo các ý:

 + Khẳng định đây là quan niệm sống đúng đắn, cao đẹp

 + Phê phán những quan niệm chưa đúng về lối sống của thanh niên: thiếu lí tưởng, không hoài bão, ham vui chơi lạc thú…; không ít học sinh quên học tập, tu thân, sống thu mình, ngại gian khổ, hèn nhát và bi quan…

 + Liên hệ nhận thức và hành động: Hiểu đúng về lối sống đẹp, thực hiện nhiệm vụ và quyết tâm học tập và rèn luyện trở thành người sống có ích.

**4.1.5. Viết đoạn kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

**4.2. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống**

 Để triển khai bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí cần xác định đúng nội dung hiện tượng đời sống đặt ra trong đề bài; căn cứ vào nội dung đó mà triển khai theo các bước: nêu rõ hiện tượng, phân tích các mặt đúng/ sai, lợi/ hại; chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết về hiện tượng xã hội đó.

Cần phối hợp các thao tác nghị luận: phân tích,so sánh, bác bỏ, bình luận…

 Cách viết từng đoạn trong bài như sau:

**4.2.1. Viết đoạn mở bài**

- Giới thiệu sự việc, hiện tượng cần bàn luận

**4.2.2. Viết đoạn nêu thực trạng**

 - Cần nhận diện hiện tượng ấy (sự việc, con người); các biểu hiện, các dạng tồn tại, thậm chí cần cả những số liệu cụ thể. Để viết được đoạn văn này đòi hỏi HS phải có sự hiểu biết và quan tâm đến các vấn đề đang tồn tại trong đời sống xã hội hiện nay. Nghĩa là các em phải luôn chú ý nghe thời sự hàng ngày, cập nhật thông tin về các vấn đề trong nước, quốc tế…Tất nhiên đó đều là các vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, tạo ra sự ảnh hưởng rộng đến đời sống cộng đồng: ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông, hút thuốc lá, nghiện game…. Khi phản ánh thực trạng cần đưa ra con số, thông tin cụ thể, tránh nói chung chung mơ hồ.

**4.2.3. Viết đoạn phân tích và bình luận nguyên nhân – kết quả (hậu quả)**

 - Khi phân tích các mặt nguyên nhân nên chú ý tới các mặt khách quan – chủ quan

 **Ví dụ**: Với hiện tượng tai nạn giao thông thì nguyên nhân khách quan là do hệ thống giao thông còn nhiều bất cập (cách phân luồng, phân tuyến, hệ thống biển báo, chỉ dẫn, chất lượng của các phương tiện tham gia giao thông…), nguyên nhân chủ quan là do con người tham gia giao thông chưa ý thức đầy đủ về trách nhiệm, chưa nắm vững luật pháp, chưa chú ý đúng mức đến vấn đề an toàn….

- Khi đánh giá hậu quả, cần xem xét ở phạm vi cá nhân – cộng đồng; hiện tại – tương lai

 **Ví dụ**: như hiện tượng nghiện game không chỉ làm hao tổn sức lực, tiền của, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nhân cách cá nhân mà còn tạo mầm mống bất ổn trong xã hội…

**4.2.4. Viết đoạn đề xuất giải pháp**

 - Cần xem lại nguyên nhân vì chính nó là gợi ý tốt nhất để tìm ra các giải pháp khắc phục

 **Ví dụ**: Nguyên nhân của tai nạn giao thông là do con người tham gia giao thông chưa ý thức đầy đủ về trách nhiệm, chưa nắm vững luật pháp, chưa chú ý đúng mức đến vấn đề an toàn….thì một trong những giải pháp có thể thực hiện là tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông, xây dựng chế tài xử phạt đối với những trường hợp vi phạm an toàn giao thông…

**4.2.5. Viết đoạn Kết bài**

 **-** Khẳng định lại vấn đề

**III. CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI DẠNG 200 CHỮ**

**1. Cách viết đoạn văn về một vấn đề xã hội (yêu cầu “rộng”)**

***1.1. Đoạn văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí***

**Đây là** dạng đề phổ biến **nhất trong các kì thi.**

**Ví dụ:**

 **Đề 1: Em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về lòng dũng cảm.**

**Đề 2: Viết đoạn văn về chủ đề gia đình**

**Đề 3: Viết đoạnvăn nêu suy nghĩ về đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”**

 **Đề 4: Em có suy nghĩ gì về câu nói: “***Chỉ có cách thức mà bạn thực hiện ước mơ mới đưa bạn đến nơi bạn muốn » (*Phạm Lữ Ân *– « Nếu biết trăm năm là hữu hạn »*

 **Nếu đề không đưa ra yêu cầu cụ thể về cấu trúc đoạn văn thì nên trình bày ý theo cách tổng – phân – hợp bởi đó là cách viết phù hợp với quá trình tư duy và logic nhận thức của con người. Ngoài ra, nó tạo sự hoàn thiện của một chỉnh thể, khiến đoạn văn giống như bài văn thu nhỏ. Vì phải đảm bảo dung lượng đoạn văn khoảng 200 chữ nghĩa là từ 10 – 15 câu văn nên học sinh cần hết sức chú ý tính cô đọng, súc tích với yêu cầu nghiêm ngặt về vai trò, chức năng, vị trí của từng loại câu trong đoạn. Cụ thể, học sinh có thể thực hiện theo gợi ý sau:**

**\* Câu mở đoạn (Câu chủ đề 1):**

**+ Vị trí: đứng ở đầu đoạn**

**+ Số lượng: 01 câu**

**+ Vai trò: nêu chính xác vấn đề cần nghị luận. Nếu vấn đề nghị luận là một nhận định thì sau lời dẫn dắt phải trích nguyên văn nhận định đó.**

**+ Cấu trúc câu mở đoạn gồm 2 phần: Phần thứ nhất nêu ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề nghị luận. Phần thứ hai trích dẫn nhận định (nếu có). Lưu ý, tránh tình trạng viết dài dòng theo những công thức quen thuộc sáo mòn thường thấy như*:* Cuộc sống ngày càng phát triển, đời sống con người ngày một nâng cao... hoặc Trong thời đại khoa học công nghệ 4.0... Học sinh nên đặt vấn đề trực tiếp, giản dị mà hiệu quả. Ví dụ: Con người ai cũng mong muốn mình thành công, nhưng có bao giờ bạn nghĩ về *“cách chấp nhận thất bại”?* ( Đề yêu cầu viết đoạn văn suy nghĩ về *cách chấp nhận thất bại*). Hoặc: *“Hãy lắng nghe lời thì thầm của trái tim”* – đó là lời nhắn gửi thiết tha của Phạm Lữ Ân trong cuốn *“Nếu biết trăm năm là hữu hạn”* (Đề yêu cầu suy nghĩ về câu nói của Phạm Lữ Ân trong văn bản Đọc hiểu: “Hãy lắng nghe lời thì thầm của trái tim”).**

**\* Câu giải thích:**

**+ Vị trí: đứng ngay sau câu mở đoạn**

**+ Số lượng: từ 01 – 02 câu tùy theo vấn đề nghị luận là khái niệm hay nhận định, đơn giản dễ hiểu hay phúc tạp.**

**+ Vai trò: cắt nghĩa, giải thích rõ nghĩa của vấn đề cần nghị luận. Đây là yêu cầu bắt buộc không được bỏ qua khi viết đoạn nghị luận. Bởi vì vấn đề gì mang ra bàn luận cũng cần được thống nhất cách hiểu về nghĩa nội hàm của nó trước khi bàn đúng /sai, phải/trái, hơn/thua, được/mất.**

**+ Cách giải thích**

**Đối với đề chỉ đưa ra một khái niệm thuộc phạm trù tư tưởng, đạo đức thì chỉ cần cắt nghĩa khái niệm đó. Có 2 cách cắt nghĩa: nêu ý nghĩa nội hàm của khái niệm hoặc phủ nhận khái niệm diễn tả phạm trù đạo đức ngược chiều với phạm trù cần bàn. Ví dụ: Giải thích khái niệm “dũng cảm”: có nghĩa khí, dám đương đầu với khó khăn, gian khổ. Hoặc dũng cảm là không hèn nhát, run sợ trước khó khăn gian khổ.**

**Đối với đề nêu một nhận định thì trước hết phải tìm được những từ ngữ then chốt chứa đựng tư tưởng của câu nói. Sau đó cắt nghĩa các từ ngữ này (nghĩa đen, nghĩa bóng nếu có). Cuối cùng tập hợp các nét nghĩa vừa tìm được, rút ra cách hiểu ngắn gọn, chính xác nhất về nhận định. Ví dụ:** *Chỉ có cách thức mà bạn thực hiện ước mơ mới đưa bạn đến nơi bạn muốn.* Chọn từ ngữ cần cắt nghĩa : *Cách thức mà bạn thực hiện ước mơ:* quá trình học hỏi, tích lũy, phấn đấu để đạt được điều mong muốn.*Đưa bạn đến nơi bạn muốn*: giúp bạn có được thành công thực sự, đạt được những giá trị tốt đẹp, cống hiến được cho cộng đồng... Sau đó rút ra ý nghĩa của nhận định: Chính quá trình biến ước mơ thành hiện thực mới giúp con người trưởng thành, hoàn thiện bản thân, cống hiến và nhận được những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống.

Nếu nhận định trích từ văn bản trong phần Đọc hiểu thì cần bám sát nội dung Đọc hiểu để giải thích, tránh suy diễn lung tung. Bởi vì có những câu nói khi đứng độc lập thì có ý nghĩa khác so với khi đứng trong văn cảnh cụ thể.

**\* Câu lí giải (bình luận)**

+ Vị trí : đứng sau câu giải thích

+ Số lượng : khoảng 04 – 05 câu

+ Vai trò : lí giải tính đúng đắn của phạm trù đạo đức tốt, tính hạn chế cần khắc phục của phạm trù xấu.

+ Cách thức lí giải : Cần chỉ rõ *Vì sao lại thế ?*và thể hiện chính kiến của người viết. Kinh nghiệm cho thấy sự sâu sắc và thành công của đoạn văn phụ thuộc nhiều vào nội dung luận giải của phần này. Người viết phải làm chủ được ngòi bút của mình, tạo được tiếng nói riêng, có màu sắc cá nhân nhưng lại phù hợp với chuẩn mực chung. Để dễ viết, học sinh có thể tập cách tư duy như sau : trước một vấn đề gì, dù đồng tình hay phản đối cũng cần nêu được 3 cơ sở lập luận để bảo vệ ý kiến của mình. Vấn đề không phải bài viết có đúng các ý như trong đáp án không mà là học sinh có khả năng lập luận để thuyết phục người đọc không. Tại sao lại phải 3 cơ sở lập luận ? Bởi vì con số 3 tạo thế vững chãi hơn so với 2 hoặc 1, tạo sự dày dặn đầy đủ ý cho quá trình lập luận. Mặt khác, để tìm được 3 ý bảo vệ chính kiến, người viết đã phải suy nghĩ các mặt của vấn đề rồi, không sợ nông cạn, phiến diện. Ví dụ với nhận định *Chỉ có cách thức mà bạn thực hiện ước mơ mới đưa bạn đến nơi bạn muốn.* Sau khi giải thích và hiểu ý nghĩa câu nói thì học sinh cần đặt ra và trả lời câu hỏi : *Vì sao chính quá trình biến ước mơ thành hiện thực mới giúp con người trưởng thành ?* Rồi ta suy nghĩ theo hướng là nếu không biến ước mơ thành hiện thực thì con người có đạt được điều mong muốn không ? Quá trình hành động để biến ước mơ thành hiện thực là đơn giản hay khó khăn ? Giúp tôi luyện điều gì ở con người… Từ đó, có thể hình thành nên các lập luận sau : Sở dĩ *chính quá trình biến ước mơ thành hiện thực mới giúp con người trưởng thành*bởi vìước mơ mãi chỉ là ước mơ nếu ta không phấn đấu học tập, hành động biến nó thành hiện thực. Dám thực hiện ước mơ là dám đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách...Quá trình thực hiện ước mơ là quá trình tích lũy tri thức, kĩ năng sống, các mối quan hệ, các giá trị sống... làm con người trưởng thành hơn.

**\* Câu nêu dẫn chứng :**

+ Vị trí : đứng sau phần lí giải

+ Số lượng : 01 – 02 câu

+ Vai trò : làm minh xác cho tính đúng đắn của nhận định, tăng sức thuyết phục cho lập luận của người viết.

+ Cách nêu dẫn chứng : do dung lượng chỉ có 200 chữ nên dẫn chứng cần nêu thật ngắn gọn, không dùng phương thức tự sự khi đưa dẫn chứng như học sinh thường làm ở cấp học dưới. Dẫn chứng phải tiêu biểu, hợp lí và phục vụ cho việc bàn luận. Cần khéo léo dẫn dắt để dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề vừa nêu trong phần lí giải, theo hướng có lợi cho ý tưởng của người viết. Dẫn chứng có thể trong sử sách, phương Đông, phương Tây hay người đương thời nhưng hạn chế dùng dẫn chứng trong tác phẩm văn học. Có thể tham khảo 4 nguồn chọn nêu dẫn chứng sau : số liệu thống kê, hiện tượng thiên nhiên không thể chối cãi, tấm gương điển hình, nổi tiếng, lời nói đã trở thành chân lí của một người nổi tiếng, thành đạt…Ví dụ với nhận định *Chỉ có cách thức mà bạn thực hiện ước mơ mới đưa bạn đến nơi bạn muốn* có thể lấy dẫn chứng về Walt Disney, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo khó, mê vẽ nhưng không có tiền, ông đã phải dùng than vẽ lên giấy vệ sinh, để rồi cái tên Walt Disney sau này trở thành nổi tiếng thế giới với những bộ phim hoạt hình đỉnh cao. Ông từng nói : *Hãy mơ về những điều có thể đến dựa trên niềm tin và những giá trị của bản thân.*

**\* Câu luận bàn, mở rộng nâng cao vấn đề**

+ Vị trí : đứng sau câu nêu dẫn chứng

+ Số lượng : 03 câu

+ Vai trò : bàn luận mở rộng vấn đề, lật ngược vấn đề để xem xét các mặt của nó cho thấu đáo, toàn diện.

+ Cách luận bàn, mở rộng vấn đề : Phần này gồm hai nội dung rõ ràng theo tên gọi của đề mục. Thứ nhất là khẳng định lại tính đúng đắn, sự cần thiết, giá trị hữu ích của phạm trù đạo đức đang bàn đối với đời sống, con người. Thứ hai là mở rộng, nâng cao vấn đề bằng các cách thức sau : Phê phán những người không thực hiện được phạm trù đạo đức đó; Phủ nhận một cách hiểu sai về phạm trù đạo đức dẫn đến hành động sai. Chỉ ra một khía cạnh còn hạn chế của nhận định (cách này khó viết, có thể bỏ qua). Ví dụ, với nhận định *Chỉ có cách thức mà bạn thực hiện ước mơ mới đưa bạn đến nơi bạn muốn* có thể viết phần bàn luận mở rộng như sau : *Tìm được cách thức thực hiện ước mơ đồng nghĩa với việc bạn đã chạm một tay vào thành công. Vậy mà, hiện nay vẫn còn có những người không dám mơ ước hoặc không biết cách biến ước mơ thành hiện thực. Những người như thế thật đáng thương. Nhưng không phải vì mải mê tìm cách thức thực hiện ước mơ của mình mà chà đạp lên hạnh phúc của người khác, đi ngược lại đạo lí làm người.*

**\* Câu kết (câu chủ đề 2).**

+ Vị trí : đứng ở vị trí kết đoạn

+Số lượng : 01 – 02 câu

+ Vai trò : Chốt lại nội dung của đoạn, mở ra một nội dung mới có thể sẽ được bàn luận ở đoạn văn sau đó trong một bài nghị luận hoàn chỉnh.

+ Cách viết câu kết đoạn: Có thể viết 1 câu ghép hoặc 2 câu đơn hướng tới những vai trò của câu kết nói trên. Vế thứ nhất của câu ghép hoặc câu đơn thứ nhất nhắc lại chân lí nêu trong luận đề. Vế thứ hai của câu ghép hoặc câu đơn thứ hai rút ra bài học hoặc thông điệp có ý nghĩa với bản thân và mọi người. Chú ý khi nêu bài học nên nhẹ nhàng, thấm thía, tránh lộng ngôn, sáo ngữ gây phản cảm với người đọc. Ví dụ : *Chỉ có cách thức thực hiện ước mơ mới đưa bạn đến nơi bạn muốn, vậy nên, hãy luôn nuôi dưỡng trong mình những ước mơ đẹp và tìm cách thực hiện nó!*

**Lưu ý : Để làm tốt dạng đề này, học sinh cần nắm vững một số chủ đề tư tưởng đạo lí như:**

**- Chủ đề nhận thức: lí tưởng, khát vọng, ước mơ, đam mê, lẽ sống...**

**- Chủ đề phẩm chất: lòng nhân ái, sự thấu cảm, tình yêu thương, lòng dũng cảm, sự khiêm tốn, lòng trung thành...**

**- Chủ đề quan hệ gia đình: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình anh em...**

**- Chủ đề quan hệ xã hội: tình bạn, tình yêu, tình thầy trò, tình đồng bào...**

**- Chủ đề về cách ứng xử: thái độ hòa nhã, sự vị tha...**

**- Các tư tưởng lệch lạc, tiêu cực: bệnh vô cảm, bệnh ái kỉ, thực dụng, dối trá, hèn nhát...**

**Khi xác định được chủ đề, học sinh sẽ có định hướng viết....**

***1.2. Đoạn văn nghị luận về hiện tượng đời sống***

**Nghị luận về hiện tượng đời sống là kiểu bài bàn về một hiện tượng đời sống đang diễn ra trong thực tế, mang tính chất thời sự, thu hút sự quan tâm và có ảnh hưởng đến đời sống của nhiều người.**

**Ví dụ:**

**Đề 1: Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về hiện tượng ô nhiễm môi trường.**

**Đề 2: Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về hiện tượng học sinh lười đọc sách.**

**Đề 3: Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về hiện tượng thực phẩm bẩn**

**Đề 4: Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về hiện tượng một số cửa hàng găm hàng để tăng giá nhằm trục lợi trong những ngày phòng chống dịch covid – 19.**

**Đề 5: Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về phong trào thanh niên góp đá xây dựng Trường Sa…**

**Nếu đề không đưa ra yêu cầu cụ thể về cấu trúc đoạn văn thì nên trình bày ý theo cách tổng – phân – hợp bởi đó là cách viết phù hợp với quá trình tư duy và logic nhận thức của con người. Ngoài ra, nó tạo sự hoàn thiện của một chỉnh thể, khiến đoạn văn giống như bài văn thu nhỏ. Vì phải đảm bảo dung lượng đoạn văn khoảng 200 chữ nghĩa là từ 10 – 15 câu văn nên học sinh cần hết sức chú ý tính cô đọng, súc tích với yêu cầu nghiêm ngặt về vai trò, chức năng, vị trí của từng loại câu trong đoạn. Cụ thể, học sinh có thể thực hiện theo gợi ý sau:**

**\* Câu mở đoạn:**

**+ Vị trí: đứng đầu đoạn văn**

**+Số lượng: 01 – 02 câu**

**+ Vai trò: giới thiệu dẫn dắt vấn đề cần nghị luận và thể hiện thái độ, chính kiến của người viết. Đối với hiện tượng tích cực thì bày tỏ sự đồng tình, thái độ tự hào. Ví dụ: *Tương thân tương ái vồn là nét đẹp truyền thống của dân tộc ta. Nó được thể hiện trong phong trào “Áo ấm tặng bạn” mà Trung ương Đoàn vừa phát động*. Đối với đề bàn về hiện tượng tiêu cực thì cần bày tỏ sự lo ngại hay phê phán ngay trong câu văn mở đầu. Ví dụ: *Ô nhiễm môi trường là một trong những vấn nạn mà nhân loại đang phải đối mặt.***

**\* Câu giải thích vấn đề:**

**+ Vị trí: đứng sau câu mở đoạn**

**+Số lượng: 01 - 02 câu tùy từng vấn đề bàn luận**

**+ Vai trò: giải thích, thuyết minh, làm cho người đọc hiểu đúng về bản chất của hiện tượng đời sống đang bàn. Có thể đặt ra và trả lời câu hỏi: hiện tượng đó là gì? Ví dụ: *Ô nhiễm môi trường là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn đồng thời các tính chất vật lí, hóa học, sinh học của môi trường bị thay đổi gây tác hại đối với sức khỏe con người và các sinh vật khác.***

**\* Câu nêu thực trạng:**

**+ Vị trí: đứng sau phần giới thuyết vấn đề.**

**+ Số lượng: khoảng 03 - 04 câu**

**+ Vai trò: nêu biểu hiện cụ thể, diễn biến và xu hướng phát triển của hiện tượng đó. Trả lời câu hỏi: *Nó như thế nào?* Chú ý phần này cần có các con số, số liệu thống kê, vị trí, quy mô, tầm ảnh hưởng... của hiện tượng, làm tăng tính thuyết phục. Ví dụ thực trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay:*Môi trường đang xấu đi từng ngày. Hầu hết các dòng sông đều chứa đầy rác và chất thải công nghiệp. Nhiều nơi ô nhiễm nghiêm trọng như lưu vực sông Nhuệ - Đáy, sông Cầu, hệ thống sông Đồng Nai...Đối với môi trường không khí, ô nhiễm có nguy cơ gia tăng tại các điểm nút giao thông, các công trình xây dựng ở các thành phố lớn. Tại thành phố Hồ Chí Minh, nồng độ chất ô nhiễm trong không khí chủ yếu là CO tăng 1,44 lần và bụi PM 10 tăng 1,07 lần...***

**\* Câu nêu nguyên nhân:**

**+ Vị trí: đứng sau câu thực trạng**

**+ Số lượng 03 câu**

**+ Vai trò: nêu nguyên nhân chủ quan, khách quan, nguyên nhân trực tiếp và sâu xa dẫn tới sự phát triển của hiện tượng đang bàn. Trả lời câu hỏi: *Vì sao lại thế?* Ví dụ nguyên nhân gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường: *Chủ quan là do ý thức và thói quen xấu của con người như: khai thác tự nhiên bừa bãi, vứt rác thải sinh hoạt và công nghiệp chưa qua xử lí ra môi trường, chạy theo lợi nhuận mà bỏ qua những yêu cầu về an toàn môi trường... Nguyên nhân khách quan do một số hoạt động, biến đổi của tự nhiên có liên quan đến môi trường.***

**\* Câu nêu hậu quả/ tác dụng**

**+ Vị trí: sau câu nguyên nhân**

**+ Số lượng: 02 – 03 câu**

**+ Vai trò: nêu lên những hậu quả (đối với hiện tượng xấu) hoặc tác dụng (với hiện tượng tích cực). Có thể trình bày hậu quả/ tác dụng đối với bản thân người thực hiện hành vi và với cộng đồng xã hội... Ảnh hưởng trực tiếp/ gián tiếp, trước mắt và lâu dài...Ví dụ hậu quả của tình trạng ô nhiễm môi trường: *Ô nhiễm môi trường dẫn tới các căn bệnh nguy hiểm gia tăng như bệnh về đường hô hấp, ung thư... Ngoài ra, nó còn kéo theo sự diệt vong của các loài động thực vật, làm mất cân bằng sinh thái, không tốt cho sự sống của muôn loài trong đó có con người. Diện tích đất trồng bị thu hẹp, thiên tai và các hiện tượng thời tiết bất thường có thể làm thiếu hụt nguồn lương thực khiến nạn đói trở lại.***

**\* Câu nêu giải pháp:**

**+ Vị trí: đứng sau câu nêu nguyên nhân**

**+ Số lượng: 02 – 03 câu**

**+ Vai trò: Nêu những giải pháp để khắc phục hiện tượng xấu, phát huy phong trào tốt. Cần dựa vào phần nêu nguyên nhân để tìm giải pháp phù hợp. Có thể nêu giải pháp theo trình tự: chủ quan, khách quan, chú ý tới vai trò giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao ý thức con người. Ví dụ giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường: *Để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, trước hết mỗi cá nhân cần trang bị những hiểu biết nhận định về môi trường, hành động đúng để bảo vệ môi trường. Nhà nước cũng cần thắt chặt quản lí đối với các cá nhân và tổ chức cố tình vi phạm luật bảo vệ môi trường. Tăng cường giáo dục trong gia đình, nhà trường để học sinh sớm hình thành ý thức ứng xử đẹp với môi trường*.**

**\* Câu kết:**

**+ Vị trí: đứng sau phần nêu giái pháp**

**+ Số lượng: 01 – 02 câu**

**+ Vai trò: Khẳng định tầm quan trọng của điều tốt đẹp và bài học cho mọi người. Ví dụ: *Môi trường đóng vai trò quan trọng như thế đấy. Vậy nên, bạn và tôi, chúng ta hãy cùng chung tay bảo vệ ngôi nhà chung cho xanh – sạch – đẹp nhé!***

**Lưu ý:**

**- Hiện tượng tích cực: phong trào áo ấm tặng bạn, tương thân tương ái, tự học thành tài, giữ xanh sạch môi trường xung quanh...**

**- Hiện tượng tiêu cực: gian lận trong thi cử, ô nhiễm môi trường, thực phẩm bẩn, mất an toàn giao thông...**

**- Hiện tượng có tính hai mặt: sống ảo, đam mê thần tượng, du học không muốn trở về Việt Nam...**

**=> Với cách hỏi này làm như bài văn thu nhỏ.**

**2. Viết đoạn văn nghị luận về một khía cạnh của vấn đề (yêu cầu “hẹp”)**

**\* Nghị luận về một khía cạnh của vấn đề: là hỏi về một phương diện, một phạm vi, một khía cạnh ...của vấn đề**

**- Cách nhận diện yêu cầu đề qua câu lệnh:**

**Ví dụ:**

**+ Viết đoạn văn về điều bản thân cần thay đổi -> giải pháp cho cá nhân**

**-> Hỏi về bài học nhận thức và hành động**

**+ viết đoạn văn lý giải tại sao bản thân cần thay đôi -> cần chú ý tại sao?- nguyên nhân-> ý khác hoàn toàn**

**+ Viết đoạn văn nói về giá trị, ý nghĩa, vai trò của thay đổi để có thành công-> tác dụng, lợi ích của thay đổi -> Phần phân tích, lí giải...**

**Đây là dạng bài ta thường gặp trong đề thi câu nghị luận xã hội Quốc gia. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh với dung lượng 200 chữ và chúng ta chỉ triển khai bàn luận về một khía cạnh của vấn đề. Để làm được dạng bài này, trước hết học sinh cần nắm được một số yêu cầu cơ bản nhất để đảm bảo khi viết chúng ta không bị mắc những lỗi sai cơ bản do kĩ năng. Những lưu ý như sau:**

**- Đảm bảo dung lượng đoạn văn (200 chữ) tức là 1/2 đến 2/3 trang giấy thi tùy cỡ chữ của người viết**

**- Đảm bảo hình thức đoạn văn, không tách đoạn. Bài trình bày có viết hoa lùi đầu dòng đến kết thúc chấm xuống dòng.**

**- Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn, cấu trúc tổng – phân – hợp: có câu chủ đề khái quát -> các câu triển khai - > câu cuối chốt ý.**

**- Xác định đúng vấn đề bàn luận tránh lạc đề hoặc lan man. Những năm trước đề bài yêu cầu học sinh bàn luận cả về một vấn đề lớn do vậy bài làm của các em phải trình bày đầy đủ của vấn đề**

**Vì quen sử dụng dạng đề này nên nhiều em vẫn sử dụng dàn ý này khi viết đoạn văn 200 chữ. Hậu quả là bài làm khá dài, tưởng chừng như khá ổn nhưng thực chất điểm đạt không cao (Hướng dẫn chấm của sở giáo dục Hải Dương năm 2019 còn nhấn mạnh: nếu bài làm theo cấu trúc của một bài văn trừ 0,5 điểm)**

 **Để làm tốt kiểu dạng bài này, HS cần đảm bảo những lưu ý như trên đã trình bày. Đồng thời cần ghi nhớ dàn bài viết đoạn văn bàn về một khía cạnh một vấn đề**

**Ví dụ 1: Em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nói về sức mạnh ý chí của con người trong cuộc sống (Đề thi THPT Quốc gia năm 2019)**

 **\* Gợi ý:**

 **\* Câu 1 (Câu chủ đề): Câu này nên dùng để giới thiệu trực tiếp vào vấn đề cần bàn luận không nên lan man, dài dòng. Giải pháp đơn giản nhất cho câu chủ đề là nên tìm một cụm từ chứa yêu cầu nghị luận có trong đề bài và dùng nó. Muốn câu mở bài mềm mượt hơn thì các em nên xây dựng chủ đề chứa vấn đề và dẫn dắt để làm nổi bật vấn đề**

 **+ Mở đoạn 1: Bạn có nghĩ rằng ý chí có sức mạnhvô cùng to lớn. Còn tôi, tôi luôn tin vào điều đó.**

 **+ Mở đoạn 2: Dù bạn là ai, dù cuộc sống có như thế nào, bạn cũng luôn cần rèn luyện ý chí bởi nó có sức mạnh vô cùng to lớn.**

 **+ Mở đoạn 3: Nhìn vào những tấm gương vượt khó trong xã hội, tôi chợt hiểu rằng chính sức mạnh ý chí con người đã chắp cánh nâng họ bay lên như những thiên thần.**

 **Trong 3 mở đoạn trên, phần câu mở đầu đều có những từ khóa quan trong “Sức mạnh ý chí của con người”. Đây là mấu chốt của vấn đề. Người viết muốn trình bày phần mở đoạn như thế nào đi nữa thì cũng cần đảm bảo phần mở đoạn phải nêu được nội dung yêu cầu của đề bài. Ở đây cần phải hiểu đề yêu cầu về một khía cạnh của vấn đề tức là một vấn đề lớn (Ý chí) nhưng khía cạnh mà chúng ta cần bàn luận ở đây chỉ là một khía cạnh “*sức mạnh của ý chí”* chứ không bàn luận về cả ý chí. Bởi vậy, khi chúng ta triển khai phần mở đoạn thì ta phải suy nghĩ cho kĩ và gạch chân trong đề những từ ngữ quan trọng, đó là những từ ngữ định hướng để chúng ta làm đúng yêu cầu của đề.**

 **\* Thân đoạn:**

 **+ Câu giải thích vấn đề : Chỉ nêu 1 – 2 câu**

 **Ví dụ: Với đề trên ta có thể viết: *Sức mạnh ý chí là sức mạnh bắt nguồn từ ý chí, nghị lực, lòng quết tâm, khát vọng của mỗi con người***

 **+ Câu phân tích, bàn luận vấn đề nên đi theo định hướng trả lời câu hỏi: *Tại sao lại khảng định như thế*? (Tại sao lại nói ý chí có sức mạnh vô cùng to lớn?). Chúng ta trả lời bằng lí lẽ, dẫn chứng những câu tiếp theo. Dạng câu bắt đầu bằng các từ như........sẽ khiến cho con người.......; có..........con người sẽ; con người có.......sẽ........ Chúng ta đưa dẫn chứng và làm sáng tỏ cho vấn đề. Sau đó triển khai lật ngược vấn đề bằng câu hỏi: *Nếu không có.....thì như thế nào*?**

**+ Lấy dẫn chứng chứng minh điều này. Đây là 3 ý trong tâm của bài. Phần bàn luận, mở rộng nên suy nghĩ theo 2 hướng : Có phải vấn đề này đúng trong mọi trường hợp không hoặc cần bổ sung hay kết hợp vấn đề này với vấn đề nào khác để đạt được hiệu quả tốt hơn**

 **Ví dụ với đề bài trên ta có thể mở rộng như sau: *Tuy nhiên thực tế cho thấy ý chí phải luôn luôn đi liền với niềm tin, tinh thần lạc quan trong mọi hoàn cảnh có như thế con người mới thành công*. Phần này cũng nên trình bày ngắn gọn vì nó không phải trong tâm của bài**

**\* Kết đoạn:**

**+ Câu nêu bài học và thông điệp: 1 – 2 câu**

 **Ví dụ: *Mỗi người chúng ta cần luôn ý thức rèn luện ý chí, nghị lực của bản thân không ngại khó, ngại khổ để tạo nên sức mạnh vươn tới thành công và hãy luôn tin tưởng rằng ở đâu có ý chí ở đó có con đường.***

 **Chúng ta chỉ nêu 1 – 2 câu để kết luận vấn đề, không nên rườm rà vì đây cũng không phải là phần trọng tâm.**

**(Trong đáp án của Bộ rất ngắn gọn, chỉ tập trung, xoáy sâu vào vấn đề: ý chí thôi thúc con người quyết tâm vượt qua mọi thử thách, nuôi dưỡng khát vọng, nỗ lực hành động để thành công và đóng góp tích cực cho cộng đồng)**

**Ví dụ 2:** Em hãy viết ***một đoạn văn*** trình bày suy nghĩ của mình về ***thái độ
cần có với quê hương đất nước***. (Đề thi vào 10 – THPT tỉnh Hải Dương năm 2019 – 2020)

**\* Hướng dẫn chấm**

**a. V*ề kĩ năng:***

**-** Biết cách viết đoạn văn nghị luận xã hội (đáp ứng đúng yêu cầu về hình thức đoạn văn, nội dung đảm bảo truyền đạt tương đối trọn vẹn một khía cạnh của vấn đề), vận dụng tốt các thao tác lập luận.

**-** Biết cách sử dụng dẫn chứng phù hợp để làm sáng tỏ luận điểm.

- Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

***b. Về kiến thức:***

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các yêu cầu cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Khái quát: Quê hương, đất nước là nơi chôn nhau cắt rốn, là nơi có gia đình, người thân, bè bạn, là nơi nuôi dưỡng tâm hồn, hình thành nền tảng văn hóa tinh thần… cho mỗi con người.Thái độ đúng với quê hương góp phần làm nên tư cách đạo đức và cốt cách văn hóa của mỗi người.(*Thí sinh có thể trình bày ý trên là câu mở đoạn, ý dưới là câu kết đoạn*) |  **0,5** |
| **2** | Thái độ cần có với quê hương:-Trân trọng / tôn trọng quê hương, đất nước mình: không chê bai, miệt thị quê hương, nhìn nhận một cách công bằng và thiện chí về những gì đang tồn tại trên quê hương đất nước. Dù quê hương đất nước còn khó nghèo, lạc hậu, còn chưa văn minh hiện đại cũng là nguồn cội của chính mình. Tôn trọng quê hương chính là tôn trọng nguồn cội của mình, là tôn trọng gốc gác đã hình thành nên con người hiện tại của mình.-Yêu thương (yêu với vẻ đẹp và thương với những hạn chế, thiếu khuyết), tự hào về những giá trị văn hóa vật chất cũng như tinh thần của quê hương đất nước.-Luôn thực hiện trách nhiệm với quê hương đất nước theo khả năng thực có của mình: dựng xây (bằng ý thức vì sự tiến bộ của quê hương, bằng lời nói và việc làm cụ thể, hữu ích)…, bảo vệ (bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ những giá trị, vẻ đẹp…) | **0,5****0,5****0,5**  |

**Lưu ý:**

*-Thí sinh cần có ít nhất* ***một dẫn chứng phù hợp*** *trong đoạn văn. Giám khảo trừ 0,5 điểm nếu thí sinh không đưa được dẫn chứng.*

*- Đề bài chỉ yêu cầu* ***viết một đoạn văn*** *để triển khai* ***một khía cạnh của vấn đề****.Giám khảo trừ 0,5 điểm trong quỹ điểm nếu thí sinh viết theo mô hình bài văn thu nhỏ (tức là thực hiện hết các bước cắt nghĩa - lí giải - đánh giá - bàn luận, mở rộng, lật lại vấn đề- rút ra bài học… trong bài làm).*

**Ví dụ 3: Viết đoạn văn nói về tác hại của lối sống vô cảm:**

**\* Mở đoạn**

- Nêu vấn đề nghị luận:

Ví dụ:

Cách 1: Có thể thấy, bệnh vô cảm có tác hại khôn lường đối với đời sống xã hội.

Cách 2: Ngày nay, trong khi các nhà khoa học đang "vò đầu bứt tóc" không biết làm sao có thể tạo ra một con chip "tình cảm" để khiến "những cỗ máy vô tình" biết yêu, biết ghét, biết thương, biết giận thì dường như con người lại đi ngược lại, càng ngày càng vô cảm với mọi sự xung quanh. Lối sống ấy có tác hại khôn lường đối với đời sống xã hội.

**\* Thân đoạn**

**- Giải thích:**

+ Vô cảm là một trạng thái không cảm xúc, không lay động trước bất cứ sự vật, hiện tượng gì xung quanh mình. Người vô cảm là những con người sống ích kỷ, hẹp hòi, thờ ơ, trước những số phận, những sự việc bên ngoài....

**- Tác hại:**

Vô cảm nguy hiểm với cả chính người bệnh lẫn vả người xung quanh.

+ Với bản thân: Trở thành người lạnh lùng, tàn nhẫn; sẵn sàng làm điều xấu, việc ác.

+ Với mọi người: Vô cảm gây khổ đau cho những người xung quanh. Đặc biệt là người thân...

+ Với xã hội: Đánh mất đi những giá trị người tốt đẹp của dân tộc, ảnh hưởng, làm lệch lạc những suy nghĩ của thế hệ tương lai. Nó khiến cho các mối quan hệ xã hội không còn khăng khít, đạo đức xã hội hao mòn.

**- Dẫn chứng:** Những người thấy người gặp nạn ngoảnh mặt làm ngơ; kẻ phạm tội: Lê Văn Luyện...

**\* Kết đoạn**

- Khẳng định tác hại của lối sống vô cảm và rút ra bài học.

**- Với dạng bài viết đoạn văn về một khía cạnh của một sự việc, hiện tượng đời sống cách viết dạng đề này cũng tương tự như dạng nghị luận về một khía cạnh của một vấn đề tư tưởng, đạo lí.**

**+ Câu mở đoạn và kết đoạn cách thức viết như nghị luận về một khía cạnh của một vấn đề tư tưởng, đạo lí.**

**+ Các câu phát triển đoạn: tùy theo yêu cầu của đề mà chúng ta xác định nội dung trọng tâm của đoạn. Quan trong nhất là xác định đúng nội dung yêu cầu của đề bài để triển khai cho đúng.**

**3. Viết đoạn văn từ một vấn đề gợi ra trong ngữ liệu phần “Đọc - hiểu”**

**3.1 Đối tượng:**

**+ Là một vấn đề xã hội nào đó được đặt ra trong tác phẩm văn học.**

**+ Vấn đề xã hội có thể lấy từ hai nguồn: Tác phẩm văn học đã học trong chương trình hoặc một câu chuyện nhỏ, một văn bản văn học ngắn gọn mà học sinh chưa được học.**

**+ Dạng bài nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học là một dạng đề tích hợp giữa làm văn và đọc văn**

**+ Cần thấy rõ đây là kiểu bài nghị luận xã hội chứ không phải là nghị luận văn học. Tác phẩm văn học chỉ là “ cái cớ” khởi đầu.Mục đích chính của kiểu bài này là yêu cầu người viết bàn bạc nghị luận về một vấn đề xã hội ,tư tưởng,nhân sinh đặt ra trong tác phẩm đó mà bàn luận, kiến giải.**

**3.2. Hướng dẫn cách viết**

**\* Phải đọc kỹ văn bản để nắm được vấn đề nghị luận mà văn bản đặt ra, từ đó làm cơ sở để viết bài.**

**\* Cấu trúc của đoạn văn**

**- Mở đoạn: Giới thiệu tác phẩm văn , giới thiệu vấn đề nghị luận ở dạng khái quát nhất.**

**- Thân đoạn: Phần thân đoạn gồm 2 nội dung lớn:**

***+ Phân tích, giới thiệu và nêu vấn đề xã hội đặt ra trong ngữ liệu văn bản:***

**. Nếu đề văn nêu sẵn vấn đề rút ra từ một tác phẩm đã học, thì phân tích qua vấn đề ấy đã được thể hiện như thế nào trong tác phẩm (Đề trong ví dụ trên)**

**. Nếu đề nêu một văn bản chưa học, không cho sẵn vấn đề, thì cần đọc hiểu, phân tích để rút ra vấn đề xã hội và ý nghĩa của vấn đề**

**+ *Nghị luận về vấn đề xã hội rút ra từ ngữ liệu***

**Khi đã có vấn đề (đề tài, chủ đề) cần bàn bạc rồi, thì mới bắt đầu làm bài nghị luận xã hội, nêu lên suy nghĩ của bản thân mình về vấn đề ấy. Tùy thuộc kiểu bài ( nghị luận về tư tưởng đạo lí, hay nghị luận về hiện tượng xã hội ; Tùy thuộc vào yêu cầu của đề là rộng hay hẹp...) mà xác địnhcác bước làm bài phù hợp. (Các dạng bài cụ thể đã hướng dẫn ở phần trên)**

**- Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề**

**\* Lưu ý:**

**+ Dạng đề này liên quan và xuất phát từ tác phẩm văn học, nhưng mục đích chính là yêu cầu người viết bàn bạc, nghị luận về một vấn đề xã hội, đạo lí, tư tưởng, nhân sinh, hiện tượng đời sống…**

**+ Cần phân biệt dạng bài này với dạng nghị luận văn học, trọng tâm của nghị luận văn học là vấn đề liên quan đến nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học; trọng tâm đề nghị luận xã hội về tác phẩm văn học là vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm đó.**

**Ví dụ:**

**Đề 1:**

**I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

**I. Phần I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

 “*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
 Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
 Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi, lại đi trời xanh thêm.*

 *Không có kính, rồi xe không có đèn,
 Không có mui xe, thùng xe có xước,
 Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
 Chỉ cần trong xe có một trái tim*.”

(Trích Ngữ văn 9, Tập một, NXB. Giáo dục, 2014).

 **Câu 1. (0,5 điểm):**Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

 **Câu 2. (0,5 điểm):** Nêu khái quát nội dung đoạn thơ.

 **Câu 3. (1,0 điểm):** Gọi tên một biện pháp tu từ trong đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

 **Câu 4. (1,0 điểm):** Tại sao nói hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của nhà thơ?

**II. Làm văn (7,0 điểm)**

***Câu 1 (2,0 điểm):* Từ việc cảm nhận phẩm chất của những người lính trong bài thơ trên và những hiểu biết xã hội của bản thân, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về lòng dũng cảm.**

***Câu 2 (5,0 điểm):* Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai trong “*Làng*” của Kim Lân.**

**B. Hướng dẫn cụ thể**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I.****Đọc hiểu** | **ĐỌC HIỂU** | **3.0** |
| **1.** | **a. Yêu cầu trả lời** **-** Bài thơ "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" **-** Tác giả: Phạm Tiến Duật.**b**. **Hướng dẫn chấm****- Mức tối đa (0,5 điểm):** Trả lời đúng nội dung.**- Mức không đạt (0 điểm):** Trả lời không đúng hoặc không trả lời.  | 0.5 |
| **2.** | **a. Yêu cầu trả lời** - Đoạn thơ ca ngợi tình đồng chí đồng đội keo sơn gắn bó và ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trong khó khăn gian khổ của những người chiến sĩ lái xe Trường Sơn.**b**. **Hướng dẫn chấm****- Mức tối đa (0,5 điểm):**  Đáp ứng yêu cầu trên.**- Mức chưa tối đa (0,25):**Câu trả lời chưa rõ ràng.**- Mức không đạt (0 điểm):** Trả lời không đúng hoặc không trả lời.  | 0.5 |
| **3.** | **a. Yêu cầu trả lời** - Học sinh tìm được 01 biện pháp tu trong đoạn thơ: Ví dụ: “trời xanh” hoặc hoán dụ: “một trái tim.”- Nêu được tác dụng của một trong các biện pháp tu từ.**b**. **Hướng dẫn chấm****- Mức tối đa (1,0 điểm):**  Đáp ứng yêu cầu trên.**- Mức chưa tối đa (0,25-> 0,75 điểm):** Câu trả lời mới đề cập đến một hoặc một số ý trên.**- Mức không đạt (0 điểm):** Trả lời không đúng hoặc không trả lời. | 0,50,5 |
| **4.** | **a. Yêu cầu trả lời:** Hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của nhà thơ, bởi:**-** Đó là những chiếc xe có thực trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì chống Mĩ và được tái hiện bằng bút pháp tả thực chứ không mang ý nghĩa biểu tượng; không được lãng mạn hay thi vị hóa.**-** Hình ảnh ấy vừa nói lên cái khốc liệt của chiến tranh vừa làm nổi bật chân dung tinh thần của người lính; thể hiện phong cách thơ của Phạm Tiến Duật: nhạy cảm với nét ngang tàng, tinh nghịch, yêu thích sự độc đáo.**b**. **Hướng dẫn chấm****- Mức tối đa (1,0 điểm):** Đáp ứng yêu cầu trên.**- Mức chưa tối đa (0,25-> 0,75 điểm):** Câu trả lời chưa đầy đủ.**- Mức không đạt (0 điểm):** Trả lời không đúng hoặc không trả lời. | 1,0 |

**\* Hướng dẫn chấm câu 1 – Làm văn (2,0 điểm)**

**1. Yêu cầu chung**

Học sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập đoạn văn. Đảm bảo thể thức đoạn văn; có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, đảm bảo tính liên kết. Không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**2. Yêu cầu cụ thể**

*a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn:* Học sinh viết một đoạn văn hoàn chỉnh, diễn đạt trôi chảy, liên lết câu chặt chẽ.  **(0,25 điểm)**

*b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:* sức mạnh của lòng dũng cảm. **(0,25 điểm)**

*c.* Triển khai vấn đề nghị luận thành các ý phù hợp, sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai ý. (1,0 điểm) Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:

**\* Mở đoạn**

Nêu vấn đề cần nghị luận: sức mạnh của lòng dũng cảm.

**\* Thân đoạn**

**- Giải thích**

- Dũng cảm: là can đảm, mạnh bạo, kiên cường, có ý chí nghị lực khi đương đầu với những khó khăn, với những tình huống và hoàn cảnh không thận lợi trong cuộc sống...

**- Sức mạnh của lòng dũng cảm**

 - Dũng cảm sẽ giúp ta tự tin đối đầu, có sức mạnh để vượt qua tất cả khó khăn, gian khổ, những nghịch cảnh của cuộc đời để làm nên những thành công.

 - Lòng dũng cảm còn giúp con người chiến thắng chính bản thân mình, giúp ta hoàn thiện vê tâm hồn, nhân cách. Người có lòng dũng cảm sẽ được mọi người yêu quý kính trọng.

 - Nếu không có lòng dũng cảm, con người dễ dàng gục ngã, bị khuất phục trước những tác động của cuộc đời. Đó là con người yếu đuối, hèn nhát, không thể tự mình đến với thành công.

**- Dẫn chứng:**Học sinh lấy dẫn chứng trong thực tế cuộc sống và trong văn chương để chứng minh

**\* Kết đoạn Khẳng định lại vấn đề, liên hệ**

**\* Mức tối đa (1,0 điểm):** Đảm bảo các yêu cầu trên.

**\* Mức chưa tối đa (0,25 – 0,75 điểm):** Bài làm còn chưa đủ ý. Tùy mức độ mà GV cho điểm phù hợp.

**\* Mức không đạt (0 điểm):** Làm sai hết hoặc không làm bài.

*d. Sáng tạo*: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận **(0,25 điểm)**

**Đề 2:**

**PHẦN I: ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

[…] *Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó – buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.*

*Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”.*

 *(Chiếc lược ngà – Nguyễn Quang Sáng,*

 *Ngữ văn 9, tập I, NXBGD, trang 199, 200)*

**Câu 1. (0,5 điểm):** Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

**Câu 2. (0,5 điểm):** Nội dung đoạn trích là gì?

**Câu 3. (1,0 điểm):** Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ có trong câu: *Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc* .

**Câu 4. (1,0 điểm):** Có ý kiến cho rằng chi tiết chiếc lược ngà trong đoạn trích là chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Em có đồng ý không? Vì sao?

**PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm )**

**Câu 1 (2,0 điểm):** Từ đoạn trích ở phần đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của tình phụ tử.

**Câu 2 (5,0 điểm): Phân tích ba khổ thơ đầu bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải.**

**\* Hướng dẫn chấm Câu 1 – Làm văn (2,0 điểm)**

**1. Yêu cầu chung**

Học sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập đoạn văn. Đảm bảo thể thức đoạn văn; có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, đảm bảo tính liên kết. Không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**2. Yêu cầu cụ thể**

*a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn:* Học sinh viết một đoạn văn hoàn chỉnh, diễn đạt trôi chảy, liên lết câu chặt chẽ.  **(0,25 điểm)**

*b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:* Tình phụ tử. **(0,25 điểm)**

*c.* Triển khai vấn đề nghị luận thành các ý phù hợp, sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai ý. ( 1,0 điểm) Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:

**\* Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của tình phụ tử

**\* Thân đoạn:**

**- Giải thích:** Tình phụ tử là tình cảm gắn bó yêu thương giữa cha và con. Cha yêu thương chăm sóc dạy dỗ con nên người. Con kính trọng, biết ơn, hiếu thuận với cha.

- Vai trò của tình phụ tử trong cuộc đời mỗi người.

+ Cha sinh thành, chăm lo nuôi con khôn lớn

+ Cha theo dõi từng bước đi, là điểm tựa, che chở cho con

+ Cha là người thầy đầu tiên của con: dạy con những bài học cuộc sống, kinh nghiệm... Luôn bên khi con mềm yếu, động viên tiếp thêm sức mạnh, thắp cho con niềm tin vững bước ...

- Tình yêu thương của cha dành cho con bao la vô bờ: Nghiêm khắc nhưng quan tâm âm thầm. Cha yêu con vô điều kiện không đòi hỏi đền đáp vì con là lẽ sống máu thịt tài sản quý giá nhất...

- Con yêu thương kính trọng cha suốt đời. Phụng dưỡng chăm sóc khi ốm. Đó là biểu hiện của đạo hiếu - truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Tình phụ tử mang lại niềm vui, hạnh phúc, tiếp thêm sức mạnh để cha, con vượt qua mọi khó khăn của cuộc sống. Nếu thiếu đi tình phụ tử là một điều bất thiệt thòi, bất hạnh lớn lao của mỗi người con.

**- Dẫn chứng:** HS lấy dẫn chứng phù hợp

**\* Kết đoạn:** Khẳng định lại ý nghĩa của đoạn văn, tình phụ tử và rút ra bài học cho bản thân.

**\* Mức tối đa (1,0 điểm):** Đảm bảo các yêu cầu trên.

**\* Mức chưa tối đa (0,25 – 0,75 điểm):** Bài làm còn chưa đủ ý. Tùy mức độ mà GV cho điểm phù hợp.

**\* Mức không đạt (0 điểm):** Làm sai hết hoặc không làm bài.

*d. Sáng tạo*: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận **(0,25 điểm)**

**4. MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP KHI VIẾT ĐOẠN VĂN 200 CHỮ CỦA HỌC SINH**

**- Viết không đảm bảo dung lượng theo yêu cầu (quá ngắn hoặc quá dài)**

- Xác định không đúng kiểu bài nghị luận xã hội

- Không xác định được vấn đề trọng tâm

- Lỗi lặp ý, sắp xếp ý còn lộn xộn

- Đưa dẫn chứng không tiêu biểu, thiếu chính xác…

- Khi liên hệ chưa có thái độ chân thành và nghiêm túc, còn cách nói sáo mòn, gượng ép

-Kĩ năng dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, diễn đạt chưa tố

**IV. GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**1. Hướng dẫn học sinh khi học văn bản nghị luận**

GV yêu cầu HS xác định các luận điểm và cách triển khai các luận cứ trong một luận điểm của VBNL, nêu quan điểm nhận xét về vấn đề đặt ra trong văn bản, nêu được đặc sắc của văn bản….Xây dựng bài tập viết đoạn văn NLXH cho phần luyện tập trong giờ đọc - hiểu VBNL

 Ví dụ, khi dạy học đọc - hiểu văn bản Bàn về đọc sách (Chu Quang Tiềm), GV có thể kiểm tra kết quả học tập của HS bằng một đề bài: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của em về tầm quan trọng của việc đọc sách. Hay khi học xong bài “*Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* “ (Vũ Khoan), Gv ra đề: Viết một đoạn văn lí giải vì sao tác giả cho rằng “*Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất*”.

**2. Hướng dẫn học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội trong các buổi học thêm**

 Vì không có tiết học riêng nên việc hướng dẫn HS viết đoạn văn nghị luận xã hội, GV tận dụng trong các buổi học thêm của chuyên đề học về nghị luận xã hội. Ngoài các tiết học rèn kĩ năng cho các em về xác định vấm đề, tìm ý…Gv chú rèn kĩ năng viết đoạn văn rồi nhận xét, sửa chữa cho HS.

**3. Hướng dẫn viết đoạn văn NLXH cho học sinh trong giờ trả bài**

Theo định hướng chung, một giờ trả bài trên lớp thường gồm các bước sau: phân tích yêu cầu đề; xây dựng dàn bài mẫu; nhận xét, đánh giá bài viết; chữa lỗi cụ thể; đọc bài làm tốt; trả bài; giải đáp thắc mắc; tổng kết; dặn dò. Ở đây, chúng tôi xin nhấn mạnh các bước thể hiện rõ được định hướng tổ chức HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về kĩ năng viết đoạn văn, bao gồm 3 bước như sau:

Bước 1: Tổ chức cho HS tái hiện và tìm hiểu đề bài. GV hướng dẫn HS xác định những yêu cầu chủ yếu của đề bài về các mặt: kiến thức, quan điểm tư tưởng, kỹ năng phương pháp làm bài, cấu trúc chung của bài....

Bước 2: Tổ chức cho HS xây dựng dàn bài mẫu cho bài văn để cả lớp cùng

rút kinh nghiệm về nội dung và phương pháp. Việc xây dựng dàn ý là giúp các em tìm ra các luận điểm, luận cứ, luận chứng phù hợp với đề bài, sắp xếp chung thành một dàn ý có bố cục chặt chẽ, đảm bảo tính logic và phù hợp với nhiệm vụ của từng phần mở bài, thân bài và kết bài....

Bước 3:GV tạo điều kiện cho HS tương tác với nhau: Cho hai HS cạnh nhau tạo nhóm cặp đôi, trao đổi những suy nghĩ và cảm xúc của mình khi đọc bài viết của bạn. Nhận xét về các đoạn trong bài văn của bạn: hình thức kết cấu, câu chủ đề, câu phát triển chủ đề, cách hành văn, cách tìm ý… Thông qua cùng một bài viết, bản thân các em có dịp tham khảo mẫu dàn ý của GV, bài viết của bạn học, các em có điều kiện so sánh và nhìn nhận lại rõ hơn những ưu khuyết điểm của bản thân, cũng như xem những nhận xét của bạn mà bản thân không nhận ra, có cơ học tập lẫn nhau.

**PHẦN 3 : KẾT LUẬN**

Văn NLXH gần đây có một vị trí quan trọng trong chương trình Ngữ văn. Viết đoạn văn là một khâu quan trọng để tạo nên một bài văn NLXH đặc sắc.Có năng lực viết đoạn văn NLXH, HS chủ động hơn trong quá trình tạo lập mộtăn bàn, được rèn luyện tư duy bằng ngôn ngữ, cách diễn đạt chính xác, cách dùng từ đúng chỗ, cách thuyết phục nguời khác. Có năng lực thuyết phục sẽ giúp các em thành công hơn trong cuộc sống. Để phát triển được năng lực viết đoạn văn NLXH cho HS, cần một tiến trình phù hợp với những hoạt động dạy học phù hợp chứ không phải chỉ trong một vài tiết học. Công việc này cũng đòi hỏi GV luôn phải đổi mới phương pháp dạy học, sáng tạo trong giảng dạy. Tuỳ vào đối tượng HS, tùy vào điều kiện cụ thểđể lựa chọn cho mình những biện pháp thích hợp, không cứng nhắc, dập khuôn nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc và kiến thức cơ bản và có những kế hoạch trong việc rèn luyện các kĩ năng làm văn cho HS.

Trên đây là những định hướng để hướng dẫn học sinh lớp 9 viết đoạn văn nghị luận xã hội. Chuyên đề này không tránh khỏi còn có những khuyết thiếu. chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đánh giá nhận xét, bổ sung của các bạn đồng nghiệp để chuyên đề hoàn thiện và có thể nhân rộng. Xin trân trọng cảm ơn!

**PHỤ LỤC**

**MỘT SỐ ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****HẢI DƯƠNG****ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT****NĂM HỌC 2019-2020****Môn thi: NGỮ VĂN***Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề**(Đề thi gồm có 01 trang)* |

**Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:

“*Người đồng mình thương lắm con ơi*

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chí lớn*

*Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*

*Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói*

*Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh*

*Không lo cực nhọc*”

 (SGK Ngữ văn 9, tập II, NXB GD Việt Nam, trang 72)

**Câu 1.** Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Do tác giả nào sáng tác? (0,5 điểm)

**Câu 2.** Em hiểu “*Sống như sông như suối*” là sống như thế nào? (0,5 điểm)

**Câu 3.**Hãy tìm và nêu ngắn gọn tác dụng của 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ. (1,0 điểm)

**Câu 4.** Trong đoạn thơ, người cha đã thể hiện mong muốn gì? Theo em, những mong muốn đó có ý nghĩa như thế nào? (1,0 điểm)

**Phần II. Làm văn (7,0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm).** Em hãy viết ***một đoạn văn*** trình bày suy nghĩ của mình về ***thái độ
cần có với quê hương đất nước***.

**Câu 2 (5,0 điểm).** Trình bày cảm nhận của em về tình cha con trong đoạn trích sau:

“…*Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.*

*Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.*

*- Thôi!Ba đi nghe con! - Anh Sáu khe khẽ nói.*

*Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:*

*- Ba… a… a…ba!*

*Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.”*

(“***Chiếc lược ngà***”- Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, tập I, NXB GD Việt Nam, trang198)

-------------------------Hết------------------------

***(Thí sinh không sử dụng tài liệu, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)***

*Họ và tên thí sinh.................................................Số báo danh..................................*

*Chữ kí giám thị số 1........................................Chữ kí giám thị số 2............................*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** **HẢI DƯƠNG** | **HƯỚNG DẪN CHẤM****ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT****NĂM HỌC 2019-2020****MÔN: NGỮ VĂN*****(Hướng dẫn chấm gồm 05 trang)*** |

**A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Giám khảo phải nắm chắc phương pháp và nội dung kiến thức của từng dạng câu trong đề để có sự đánh giá khách quan, chính xác.

- Vận dụng linh hoạt Hướng dẫn chấm, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

- Sau khi cộng điểm toàn bài, không làm tròn số, để điểm lẻ đến 0,25.

**B. ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM CỤ THỂ**

**Phần I (3,0 điểm)**

**a. Về kĩ năng**

- Biết cách trả lời câu hỏi đọc hiểu.

- Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, viết câu.

**b. Về kiến thức**

- Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung cơ bản như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | Đoạn thơ trích trong tác phẩm “Nói với con” Do tác giả Y Phương sáng tác | **0,25****0,25** |
| **Câu 2** | Sông, suối dù gặp nơi ghềnh thác vẫn băng đi“*Sống như sông như suối*” là sống mạnh mẽ, chủ động vượt qua mọi gian nan thử thách để tiến lên phía trước. | **0,25****0,25** |
| **Câu 3** | - Phép điệp:+ Điệp cấu trúc câu:“*Cao đo nỗi buồn**Xa nuôi chí lớn”**“Sống trên đá không chê đá gập ghềnh**Sống trong thung không chê thung nghèo đói”*+ Điệp từ: “*không chê*”Phép điệp tạo âm hưởng cho lời thơ, cũng nhấn mạnh nội dung được biểu hiện trong đoạn thơ (không gian quê hương đem đến nhọc nhằn song cũng gợi mở khát vọng, chí hướng; không chê quê hương gian nan nghèo khó)-So sánh:“*Sống như sông như suối*”Phép so sánh khiến câu thơ trở nên giàu hình ảnh, hình ảnh so sánh (*sông, suối*) tạo sức gợi cho câu thơ, để người đọc thơ từ những hình dung về đặc điểm, ý nghĩa của hình ảnh mà suy luận ra cách sống mà người cha muốn truyền cho con mình.-Đối: “*Lên thác - xuống ghềnh”, “cao - xa”, “nỗi buồn - chí lớn”, “trong thung - trên đá”…*Phép đối tạo sự cân xứng trong các cặp câu, góp phần làm nên âm hưởng, nhịp điệu của lời thơ. Đồng thời, chính sự đối xứng, đối lập của hình ảnh, từ ngữ trong các cặp câu cũng làm nên cái giàu có của hình ảnh, một đặc trưng trong cách tư duy của “*người đồng mình*”.- Liệt kê: “*trên đá”, “trong thung”, “gập ghềnh”, “nghèo đói”.*Phép liệt kê giúp nhà thơ thể hiện (hoặc người đọc thơ hình dung) đặc điểm của không gian và đặc điểm cuộc sống ở quê hương của “*người đồng mình*”…*Học sinh cần chỉ ra được 01 biện pháp, có minh chứng cụ thể và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ đã xác định được.* *Tìm biện pháp: 0,5 điểm* *Phân tích hiệu quả: 0,5 điểm*  | **1,0** |
| **Câu 4** | **-** Mong muốn của người cha: muốn con không chê quê hương khó nghèo, gian khổ (hoặc muốn con gắn bó, yêu thương quê hương; hoặc muốn con sống thủy chung, tình nghĩa với quê hương); muốn con mạnh mẽ, chủ động vươn lên, vượt qua mọi gian nan thử thách để khẳng định mình. -Đây là mong muốn chính đáng, đúng đắn, xuất phát từ ý thức về đạo đức, trách nhiệm của con người trong mối quan hệ với quê hương, từ ý thức về phẩm chất cần có để sống đúng, sống tốt cuộc sống của mình; mong muốn ấy của người cha hướng tới con nhưng cũng là điều cha tự khích lệ chính mình, nó mở ra một lối sống, con đường sống đúng đắn cho cha, cho con trong hiện tại và tương lai.*(Thí sinh chỉ cần trình bày ý nghĩa của mong muốn mở ra một lối sống, con đường sống đúng đắn cho con và cho cả chính cha là có thể đạt trọn vẹn điểm)* | **0,75****0,25** |

**Phần II (7,0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm)**

**a. V*ề kĩ năng:***

**-** Biết cách viết đoạn văn nghị luận xã hội (đáp ứng đúng yêu cầu về hình thức đoạn văn, nội dung đảm bảo truyền đạt tương đối trọn vẹn một khía cạnh của vấn đề), vận dụng tốt các thao tác lập luận.

**-** Biết cách sử dụng dẫn chứng phù hợp để làm sáng tỏ luận điểm.

- Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

***b. Về kiến thức:***

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các yêu cầu cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Khái quát: Quê hương, đất nước là nơi chôn nhau cắt rốn, là nơi có gia đình, người thân, bè bạn, là nơi nuôi dưỡng tâm hồn, hình thành nền tảng văn hóa tinh thần… cho mỗi con người.Thái độ đúng với quê hương góp phần làm nên tư cách đạo đức và cốt cách văn hóa của mỗi người.(*Thí sinh có thể trình bày ý trên là câu mở đoạn, ý dưới là câu kết đoạn*) |  **0,5** |
| **2** | Thái độ cần có với quê hương:-Trân trọng / tôn trọng quê hương, đất nước mình: không chê bai, miệt thị quê hương, nhìn nhận một cách công bằng và thiện chí về những gì đang tồn tại trên quê hương đất nước. Dù quê hương đất nước còn khó nghèo, lạc hậu, còn chưa văn minh hiện đại cũng là nguồn cội của chính mình. Tôn trọng quê hương chính là tôn trọng nguồn cội của mình, là tôn trọng gốc gác đã hình thành nên con người hiện tại của mình.-Yêu thương (yêu với vẻ đẹp và thương với những hạn chế, thiếu khuyết), tự hào về những giá trị văn hóa vật chất cũng như tinh thần của quê hương đất nước.-Luôn thực hiện trách nhiệm với quê hương đất nước theo khả năng thực có của mình: dựng xây (bằng ý thức vì sự tiến bộ của quê hương, bằng lời nói và việc làm cụ thể, hữu ích)…, bảo vệ (bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ những giá trị, vẻ đẹp…) | **0,5****0,5****0,5**  |

**Lưu ý:**

*-Thí sinh cần có ít nhất* ***một dẫn chứng phù hợp*** *trong đoạn văn. Giám khảo trừ 0,5 điểm nếu thí sinh không đưa được dẫn chứng.*

*- Đề bài chỉ yêu cầu* ***viết một đoạn văn****để triển khai* ***một khía cạnh của vấn đề****.Giám khảo trừ 0,5 điểm trong quỹ điểm nếu thí sinh viết theo mô hình bài văn thu nhỏ (tức là thực hiện hết các bước cắt nghĩa - lí giải - đánh giá - bàn luận, mở rộng, lật lại vấn đề- rút ra bài học… trong bài làm).*

**Câu 2 (5,0 điểm)**

**a. V*ề kĩ năng:***

 **-** Biết cách viết bài văn nghị luận văn học, vận dụng tốt các thao tác lập luận để trình bày hiểu biết, cảm nhận của bản thân về vấn đề cần nghị luận.

 - Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

***b. Về kiến thức:***

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các ý cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** |  **Giới thiệu:**-Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966. Trong truyện,nhà văntập trung thể hiện tình cha con giữa anh Sáu, một người chiến sĩ cách mạng và bé Thu, một đứa trẻ xa ba suốt 8 năm, từ khi nó còn quá nhỏ để nhận biết về ba mình.-Vị trí đoạn trích: phần sau của tác phẩm, góp phần thể hiện tình huống để cha con nhận nhau, để tình cha con bộc lộ trọn vẹn –sau ba ngày nghỉ phép, anh Sáu phải chia tay con để lên đường làm nhiệm vụ. Đoạn trích đã thể hiện một cách cảm động về tình cha con trong giây phút chia tay đó. | **0,25****0,25** |
| **2** |  **Tình cha đối với con:**-Quan tâm đến con: đưa mắt nhìn con, muốn ôm con, hôn con, chủ động cất tiếng chào bé Thu… Cả ánh mắt, niềm mong muốn của anh Sáu đều hướng đến bé Thu.-Bảo vệ con bằng cách tránh cho nó những cảm xúc khó chịu: +Trong lòng anh Sáu đã hình thành sự mâu thuẫn giữa niềm mong muốn được ôm hôn con trước lúc lên đường với nỗi sợ con bé phản ứng với sự quan tâm, yêu thương của mình. +Lựa chọn của anh Sáu: vì tôn trọng cảm xúc của con, tránh cho con cảm xúc khó chịu, tránh để con phải phản ứng thái quá nên anh Sáu chỉ nhìn con bằng ánh mắt trìu mến lẫn buồn rầu, ngay cả tiếng chào của anh với con cũng chỉ cất lên khe khẽ.-Trong hoàn cảnh của anh Sáu (xa con suốt 8 năm, chỉ có ba ngày phép để được sống và cảm nhận tình cha con, lúc này vì nhiệm vụ mà phải lên đường và chưa biết bao giờ mới có thể gặp lại con gái), những biểu hiện của anh là kết quả của sự kiềm chế bằng tất cả sự hiểu biết và tấm lòng người cha. | **0,25****0,5****0,25** |
| **3** | **Tình cảm của con với cha**:- Trước đó, bé Thu từng phản ứng dữ dội với mọi cử chỉ quan tâm, yêu thương của anh Sáu. Thu phản ứng vì trong lòng em chưa thừa nhận cha, vì trong cảm nhận của em, người xuất hiện trong ngôi nhà của mẹ con em không phải là cha (không giống với bức ảnh ba chụp với má). Tuy nhiên, khi bé Thu được bà ngoại giải thích, em đã hiểu ra rằng sở dĩ cha không giống bức ảnh là vì thời gian làm cha già đi và vết sẹo trên mặt cha là do bị Tây bắn. Việc em từ nhà bà ngoại trở về nhà mình khi cha lên đường đã là một thay đổi đáng kể trong nhận thức và cảm xúc của Thu.- Cách thể hiện tình cảm của bé Thu: có sự chuyển biến từ lặng lẽ âm thầm đến mãnh liệt, mạnh mẽ.+ Lặng lẽ, âm thầm: “*đứng trong góc nhà”*, dù không nói nhưng “*đôi mắt mênh mông của bé bỗng xôn xao”* - ánh mắt ấy là sự phản chiếu những xao động trong cảm xúc, trong tâm trí của bé.+ Mãnh liệt, mạnh mẽ: (1) “*Tiếng kêu thét gọi ba như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người”*. Tiếng thét ấy là sự bật trào của cảm xúc đã kìm nén từ lâu, là sự bộc lộ của nhu cầu khẩn thiết trong lòng Thu - nhu cầu về tình cha, nhu cầu được thể hiện tình cảm với cha. Và vì tiếng thét ấy chứa đựng cảm xúc mãnh liệt của Thu nên nó cũng tác động mạnh mẽ đến tất cả mọi người. (2) Hành động “*chạy xô tới*, *chạy thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba”*như để giữ lại ba bằng tất cả sức lực, bằng toàn bộ con người mình là cách Thu thể hiện tình cảm mãnh liệt trong lòng em. (3) Cảm xúc của Thu mãnh liệt đến độ nó làm chấn động toàn bộ con người em, và sự chấn động trong tâm hồn đã bộc lộ ra thành sự chấn động của cơ thể “*làn tóc tơ sau ót nó dựng đứng lên*”.Những chuyển biến trong cảm xúc, hành động, trạng thái của bé Thu đã thể hiện một cách sâu sắc và cảm động tình yêu đối với cha của bé. Tình cảm ấy vừa hé lộ đặc điểm tâm hồn Thu, vừa tác động đến cảm xúc của cả các nhân vật khác cũng như người đọc, vừa góp phần tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm - sức hấp dẫn bằng những tình cảm đời thường mà sâu sắc của con người. | **0,5** **1,75**0,250,50,250,250,5 |
| **4** | **Đặc sắc nghệ thuật:**-Nghệ thuật kể chuyện: tình huống đặc sắc, dẫn dắt hợp lí, lời kể chân thực, giản dị, sử dụng ngôi thứ ba để kể chuyện.-Nghệ thuật miêu tả tâm lí: kết hợp điểm nhìn bên ngoài với những quan sát khách quan, toàn diện (để thấy cả biểu hiện của anh Sáu, bé Thu và những người khác) với điểm nhìn bên trong (để thấy mức độ và nguyên cớ hình thành của những cảm xúc, hành vi, thái độ); kết hợp miêu tả trực tiếp cảm xúc với miêu tả gián tiếp tâm trạng qua những hành vi, cử chỉ, trạng thái của nhân vật. | **0,25****0,5** |
| **5** | **Đánh giá chung**:-Bằng lối kể chuyện giản dị, giọng kể sâu lắng, thấm đượm cảm xúc, nhịp điệu lời kể chậm rãi, từ tốn, bằng nghệ thuật miêu tả tâm lí đặc sắc, Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa một tình huống cảm động giữa hai cha con anh Sáu và bé Thu: cuộc chia tay giữa hai cha con nhưng là để con nhận cha, cha được đón nhận tình cảm của con.-Đoạn trích đã góp phần thể hiện tình cha con sâu sắc cảm động, cũng góp phần tạo nên giá trị của tác phẩm. | **0,25****0,25** |

**Lưu ý:** *Giám khảo cho điểm trung bình với những học sinh chỉ dừng lại ở việc thuật kể và diễn giải một cách sơ sài các chi tiết trong đoạn văn.*

--------------------------------HẾT-----------------------------

**II. Đề thi vào lớp 10 năm 2019 tỉnh Quảng Ngãi**

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

Đọc đoạn trích dưới đây:

Nhờ các bạn thân mà ta mở rộng chân trời của ta được, khi giao du với họ mà kinh nghiệm của ta tăng tiến là lúc đó cá tính của ta mạnh mẽ và vững rồi đấy.

Hết thảy chúng ta đều có một cái gì để tặng bằng hữu, dù chỉ là một nét đặc biệt của cá tính ta, một quan niệm độc đáo về đời sống hoặc cái tài kể chuyện vui. Tiếp xúc với nhiều bạn bè, tâm hồn ta phong phú lên, rồi làm cho tâm hồn những bạn sau này của ta cũng phong phú lên.

(Trích “Tìm thêm bạn mới", Ý cao tình đẹp - Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Trẻ, 2004, tr.115)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1. (0,5 điểm)** Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2. (0,5 điểm)** Xác định một phép liên kết và chỉ ra từ ngữ thực hiện phép liên kết ấy trong đoạn văn: “*Hết thảy chúng ta đều có một cái gì để tặng bằng hữu, dù chỉ là một nét đặc biệt của cá tính ta, một quan niệm độc đáo về đời sống hoặc cái tài kể chuyện vui. Tiếp xúc với nhiều bạn bè, tâm hồn ta phong phú lên, rồi làm cho tâm hồn những bạn sau này của ta cũng phong phú lên*”.

**Câu 3. (1,0 điểm)** Theo tác giả, chúng ta có thể tặng bằng hữu những gì?

**Câu 4. (1,0 điểm)**Em có đồng ý với ý kiến: “*Nhờ các bạn thân mà ta mở rộng chân trời của ta được*"? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (7.0 điểm)**

**Câu 1. (2.0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn nghị luận (7 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ về tình bạn tuổi học trò.

**Câu 2. (5,0 điểm)** Cảm nhận hai đoạn thơ sau:

Ngày xuân con én đưa thòiThiều quan chín chục đã ngoài sáu mươiCỏ non xanh tận chân trờiCành lê trắng điểm một vài bông hoa

(Trích "Cảnh ngày xuân" - Truyện Kiều, Nguyễn Du, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, Tr.84 )

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.Bốn bề bát ngát xa trông,Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.

(Trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" - Truyện Kiều, Nguyễn Du, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, Tr.93 )

---------HẾT--------

### Đáp án đề thi

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Câu 1. (0,5 điểm)** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận

**Câu 2. (0,5 điểm)**

Phép liên kết thế: bằng hữu - bạn bè

**Câu 3. (1,0 điểm)** Theo tác giả, chúng ta có thể tặng bằng hữu: một nét đặc biệt của cá tính ta, một quan niệm độc đáo về đời sống hoặc cái tài kể chuyện vui

**Câu 4. (1,0 điểm)**

Có. Vì: Mỗi bạn bè là một sắc màu. Mỗi người bạn có một nét cá tính, có một phẩm chất, vốn tri thức riêng mà ta có thể học tập được. Chơi với bạn cũng là dịp để mỗi người tự nhìn nhận, điều chỉnh mình, hoàn thiện bản thân mình.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

**Câu 1. (2.0 điểm)**

**1. Yêu cầu về hình thức**

- Trình bày đúng đoạn văn 7 – 10 câu

- Không mấc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu

**2. Yêu cầu về nội dung**

- Tình bạn tuổi học trò là gì? Là tình bạn nảy nở khi còn ngồi trên ghế nhà trường

- Biểu hiện:

+ Đồng hành cùng nhau trong học tập

+ Cùng nhau tham gia và thực hiện những hoạt động chung, nhóm, câu lạc bộ

+ Chia sẻ tâm tư nguyện vọng, niềm vui, nỗi buồn với nhau

- Ý nghĩa:

+ Tình bạn tuổi học trò đẹp sẽ là kí ức ngọt ngào của ta thời cắp sách đi học

+ Tình bạn tuổi học trò đẹp sẽ là động lực để ta noi gương bạn, hỗ trợ nhau trong học tập

+ Tình bạn tuổi học trò đẹp giúp ta hoàn thiện bản thân mình

- Làm thế nào để có tình bạn tuổi học trò đẹp?

- Liên hệ bản thân

**Câu 2. (5,0 điểm)**

**1. Yêu cầu về hình thức**

**- Viết đúng hình thức bài văn có đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài**

- Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả

**2. Yêu cầu về nội dung**

**a. Khái quát**

**- Đây là nhữngvần thơ được xem là những tuyệt bút làm nên kiệt tác “*Truyện Kiều”***

**- 2 đoạn thơ nói lên 2 đặc trưng của tài năng Nguyễn Du: nghệ thuật miêu tả cảnh thiên nhiên và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình**

**- Vị trí 2 đoạn thơ: đây là 4 câu thơ đầu trong “*Cảnh ngày xuân*” và “*Kiều ở lầu Ngưng Bích”.***

**b. Phân tích**

**\* Đoạn thơ trong “*Cảnh ngày xuân*”**

 ***Ngày xuân con én……..đã ngoài sáu mươi***

**- Với bút pháp miêu tả kết hợp với hình ảnh chọn lọc “*con én đưa thoi*”, tác giả đã gợi ra trước mắt người đọc giữa bầu trời cao rộng, trong xanh, mênh mông là hình ảnh những cánh chim én bay lượn vút qua, vút lại như những thoi đưa**

**- “*Chim én*” là loài chim đặc trưng của mùa xuân, thường xuất hiện khi mùa xuân về.**

**- “*Thiều quang*” là ánh sáng hồng, rạng rỡ, ấm áp của mùa xuân**

**- Ngoài ra để tô điểm cho bức tranh xuân đó, tác giả còn miêu tả màu sắc tươi xanh của cỏ non và màu trắng tinh khôi của hoa lê tạo cho bức tranh sinh động**

 ***Cỏ non …….một vài bông hoa***

**Câu thơ trở thành bức họa đầy màu sắc tươi tắn. Trên nền xanh của cỏ biếc trải dài rộng như một tấm thảm tới tận chân trời được điểm xuyết bằng một vài bông hoa lê màu trắng gợi cho người đọc thấy được cảnh mùa xuân mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống**

**=> Qua đó, chúng ta thấy được tài năng nghệ thuật miêu tả và tâm hồn tinh tế nhạy cảm, yêu thiên nhiên của Nguyễn Du**

**\* Đoạn thơ trong “Kiều ở lầu Ngưng Bích”**

**- Với nghệ thuật đối lập “*non xa*” – “*trăng gần*” và cách dùng từ Hán Việt “*khóa xuân*”, tác giả đã giới thiệu với người đọc về lầu Ngưng Bích là nơi khóa kín tuổi xuân, giam lỏng cuộc đời Kiều. Đã biết bao đêm, nàng cô đơn, thao thức nơi ngôi lầu ấy. Ở trên lầu cao nhìn ra xa, Kiều thấy dãy núi và mảnh trăng như ở cùng trong một bức tranh**

**- Vì nơi đây nằm trơ trọi giữa không gian mênh mông và xung quanh hoang vắng:**

 ***Bốn bề …….dặm kia***

**- Bằng cách sử dụng từ láy “*bát ngát*” kết hợp với phép đối “*cồn nọ*” – “*dặm kia*” đã mở rộng không gian nhiều phía, tô đậm thân phận cô đơn của Kiều. Nhìn ra bốn bề không một bóng người Kiều chỉ thấy những cồn cát trải dài và trên những dặm đường xa, gió cuốn bụi hồng bay lên…**

**c. Đánh giá**

**- Đoạn thơ trong “*Cảnh ngày xuân”* kết tinh tài năng của Nguyễn Dutrong miêu tả bức tranh thiên nhiên lớn khoáng đạt**

- Đoạn thơ trong “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” lại kết tinh tài năng của Nguyễn Du trong thấu hiểu tâm lí nhân vật, tả cảnh ngụ tình.

**III. Đề thi vào lớp 10 năm 2019 tỉnh Thái Nguyên**

**Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn thông chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hóa học thuật của nhân loại.”

(*Bàn về đọc sách* -Chu Quang Tiềm, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

**Câu 1 (0,5 điểm).** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2 (0,5 điểm).** Từ học vấn trong đoạn trích có nghĩa là gì?

**Câu 3 (1,0 điểm).** Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 4 (1,0 điểm).** Em có đồng ý với quan niệm của tác giả: Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại hay không? Vì sao? (Trình bày trong khoảng 3-5 dòng)

**Phần II. Làm văn (7,0 điểm).**

**Câu 1 (2,0 điểm)**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 đến 20 dòng) trình bày tác dụng của việc đọc sách đối với em.

**Câu 2 (5,0 điểm)**

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích sau:

*Anh hạ giọng, nửa tâm sự, vừa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:*

*- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hả bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?. Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô thị thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”*

*Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói:*

*- Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.*

*- Quê anh ở đâu thế? - Họa sĩ hỏi.*

*- Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một - không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng.*

(Trích *Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

Từ đó, liên hệ với nhân vật Phương Định trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê) để thấy được lí tưởng sống của thế hệ trẻ Việt Nam những năm chống Mĩ.

## ****Gợi ý đáp án đề thi vào lớp 10 môn Văn 2019 Thái Nguyên****

**Phần I. Đọc - hiểu**

**Câu 1 (0,5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích là nghị luận.

**Câu 2 (0,5 điểm):** Từ học vấn trong đoạn trích có nghĩa là những thành quả tích lũy, những hiểu biết, tri thức nhờ học tập mà có của mỗi con người.

**Câu 3 (1,0 điểm):** Nội dung chính của đoạn trích: Bàn về việc đọc sách và nhấn mạnh đọc sách là một con đường quan trọng của học vấn, và con đường học vấn không thể thiếu sách.

**Câu 4 (1,0 điểm):** Em đồng ý với quan niệm: Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại. Vì:

Sách là kết tinh văn minh nhân loại, là nơi hội tụ mọi tinh hoa của loài người về mọi lĩnh vực nhân văn và khoa học, đánh dấu những bước đường đi lên của mọi dân tộc, mọi quốc gia trên hành trình qua nhiều thiên niên kỉ. Sách hội tụ bao kiến thức để mở rộng tầm nhìn, nâng cao trí tuệ, bồi đắp tâm hồn cho mọi thế hệ.

**Phần II. Làm văn**

**Câu 1 (2,0 điểm)**

**- Yêu cầu hình thức: Đoạn văn không chấm xuống dòng, đầu đoạn viết hoa lùi vào một ô.**

**- Yêu cầu nội dung: HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau. Dưới đây là một số gợi ý:**

***1. Giới thiệu chung*: Tác dụng của việc đọc sách**

***2. Giải thích (Ngắn gọn*): Sách là một loại các tờ giấy có chữ hoặc hình ảnh được viết tay hoặc in ấn được buộc hoặc dán với nhau về một phía. Một tờ trong cuốn sách được gọi là một trang sách**

**=> Sách có ý nghĩa vai trò quan trọng đối với nhân loại.**

***3. Bàn luận*: Tác dụng của việc đọc sách:**

**- Đọc sách giúp ta thêm tri thức, mở rộng sự hiểu biết, thu thập thông tin một cách nhanh nhất (DC)**

**- Sách bồi dưỡng tinh thần, tình cảm cho chúng ta để ta trở thành người tốt (DC)**

**- Sách là nguời bạn động viên chia sẻ niềm vui nỗi buồn với ta (DC)**

**- Nếu không đọc sách thì sự hiểu biết của ta bị hạn chế, tâm hồn ta cằn cỗi**

**- Phương pháp đọc: Phải chọn cách tốt, có giá trị để đọc; phải đọc kĩ vừa đọc vừa nghiền ngẫm suy nghĩ, ghi chép những điều bổ ích; vận dụng những điều học được ở sách vào cuộc sống hàng ngày**

**- Liên hệ bản thân.**

**Câu 2 (5,0 điểm):**

**- Yêu cầu về hình thức: Viết thành bài văn hoàn chỉnh có đủ các phần: mở bài, thân bài, kết bài.**

**- Yêu cầu nội dung: HS có nhiều cách viết. Dưới đây là một số gợi ý:**

***1. Mở bài:***

- Giới thiệu vài nét về nhà văn Nguyễn Thành Long.

- Giới thiệu tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa.

- Tác phẩm ca ngợi những con người dũng cảm, tuyệt đẹp đang cống hiến một cách thầm lặng cao cả mà anh thanh niên là nhân vật chính “*Trong cái im lặng của Sa Pa…..làm việc như vậy cho đất nước*.”

***2. Thân bài:***

**a. Giới thiệu chung:**

- Truyện ngắn tập trung vòa cuộc gặp gớ tình cờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn qua lời giới thiệu của bác lái xe

- Đoạn văn ngắn đã khái quát được vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn của anh thanh niên

**b. Cảm nhận nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích**

\* Hoàn cảnh sống và làm việc:

- Một mình trên đỉnh núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây, mây mù Sa Pa. Công việc của anh là “*đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự báo vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu*”. Công việc đơn điệu đòi hỏi phải thật tỉ mỉ, chính xác, có ý thức tự giác

- Nhưng cái gian khổ nhất phải vượt qua đó là sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao 2600 mét không một bóng người

\* Những nét đẹp của nhân vật được thể hiện qua đoạn trích:

- Có lí tưởng cống hiến: đi bộ đội không được anh tình nguyện làm việc ở Sa Pa

- Suy nghĩ đẹp về công việc:

+ Vì công việc mà anh phải sống một mình trên núi nhưng anh vẫn gắn bó với công việc của mình bởi “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được”. Anh yêu công việc tới mức trong khi mọi người còn ái ngại cho cuộc sống ở độ cao 2600 m của anh thì lại ước ao được làm việc ở độ cao trên 3000m “như vậy mới gọi là lí tưởng”.

+ Công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác cao. Hàng ngày lặp lại tới 4 lần các thao tác “*đo đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đấ*t…”, và khó khăn nhất là lúc một giờ sáng “*nửa đêm thức dậy xách đèn ra vườn, mưa tuyết giá lạnh*…”. Nhưng anh vẫn coi công việc là niềm vui “*Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ nếu cất nó đi cháu buồn đến chết mất*”.

+ Ý thức được giá trị công việc mà mình đang làm dự vào việc báo trước thời tiết nên “*việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia*”

=> Những suy nghĩ ấy chỉ có ở những con người yêu lao động, yêu công việc của mình dù nó thật khó khăn, đơn điệu và buồn tẻ. Công việc là niềm vui, là cuộc sống của anh

- Suy nghĩ đẹp về cuộc sống:

+ Tự mình tìm lời giải đáp cho những câu hỏi quan trọng “*Mình sinh ra là gì? Mình đẻ ra ở đâu? Mình vì ai mà làm việc?*”. Những câu hỏi cho anh biết giá trị của bản thân và ý nghĩa của cuộc sống

+ Suy nghĩ đúng đắn về giá trị của hạnh phúc: hạnh phúc không phải là khi cuộc sống đầy đủ về vật chất mà là khi ta làm được những việc có ích. Một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta, bắn rơi được máy bay Mĩ trên cầu Hàm Rồng, anh thấy mình “*thật hạnh phúc”.*

=> Qua lời kể hồn nhiên, chân thành của người thanh niên, tác giả Nguyễn Thành Long đã giúp người đọc cảm nhận được những suy nghĩ đẹp và đúng đắn của anh thanh niên cũng như của những người lao động ở Sa Pa

- Làm phong phú cuộc sống của mình: anh thường xuyên đọc sách. Vì sách chính là người bạn để anh “*trò chuyện*”, nhờ có sách mà anh chống chọi được với sự vắng lặng quanh năm. Nhờ có sách mà anh tiếp tục học hành, mở mang kiến thức

=> Những tình cảm cao đẹp trên đã tạo nên những phẩm chất đáng quý ở anh thanh niên – một con người lao động với XHCN.

c. Liên hệ với nhân vật Phương Định trong “*Những ngôi sao xa xôi*”

\* Khái quát:

- “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê, “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long, hiện lên một tập thể anh hùng đang ngày đêm chiến đấu với kẻ thù để giữ từng tấc đất, ngôi nhà cho quê hương, đất nước và xây dựng cho quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp hơn

- Hai nhà văn đều không đi sâu vào miêu tả những đau thương mất mát mà đi vào khám phá, ca ngợi vẻ đẹp của con người Việt Nam trong chiến tranh cũng như trong lao động.

- Hình ảnh của Thao, Nho, Phương Định, anh thanh niên, cô kĩ sư và biết bao con người nữa sáng lên một vẻ đẹp phẩm chất lạ thường. Họ là kết tinh của vẻ đẹp dân tộc, sức sống của dân tộc. Những con người yêu nước thiết tha, quên mình vì Tổ quốc ấy lại rất đỗi giản dị, trong sáng. Một tập thể anh hùng giữa hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, trong đó mỗi nhân vật lại có một vẻ đẹp riêng, một tâm hồn, một cái “tôi” riêng hòa chung với cái “ta” rộng lớn.

\* Vẻ đẹp của thế hệ thanh niên thời kì chống Mĩ trong chiến đấu:

- Phương Định trong “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê là hình ảnh hào hùng về người lính thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

- Các tác giả đã phát hiện vẻ đẹp anh dũng của con người Việt Nam những chưa đủ, nhà văn còn tìm thấy ẩn sâu bên trong những con người quả cảm, gan góc ấy là một trái tim đầy trẻ trung, nhiều khát vọng, tràn đầy tinh thần yêu thương

\* Vẻ đẹp của thế hệ thanh niên thời kì chống Mĩ trong lao động:

- Trong cái lặng im của Sa Pa. không phải chỉ có anh thanh niên mà còn có cả thế giới những người “*làm việc và lo nghĩ cho đất nước*”. Qua lời anh kể như: ông kĩ sư vườn rau, đồng chí cán bộ nghiên cứu lập bản đồ sét…Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong lao động, cống hiến. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp

=> “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê, “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long là những hình tượng lộng lẫy về vẻ đẹp của thế hệ thanh niên Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đầy gian khổ, thử thách mà rất đỗi anh hùng. Ở họ đều có một lí tưởng chung đó là lí tưởng sống đẹp, cống hiến cho đời, cho đất nước

3. Kết bài:

- Truyện “*Lặng lẽ Sa Pa*” ngợi ca những con người lao động như anh thanh niên làm công tác khí tượng và cái thế giới những con người như anh

- Qua câu chuyện về anh thanh niên, tác giả cũng gợi tả những con người đang dành cả thanh xuân để cống hiến, phục vụ kháng chiến với nhiều phẩm chất cao đẹp.

**MỘT SỐ ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘITHAM KHẢO**

***Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về bản lĩnh của con người***

**Bài làm**

Bản lĩnh là phẩm chất cần có để hoàn thiện hành trang vào đời của mỗi con người. Bản lĩnh là khả năng giải quyết mọi chuyện một cách bình tĩnh, thông minh và tỉnh táo. Người bản lĩnh là người dám đương đầu với khó khăn gian khổ. Thất bại, họ sẽ tự đứng lên. Cay đắng họ sẽ họ sẽ làm cho thành ngọt ngào. Họ thích làm những điều lớn lao, kì vĩ, xoay trời chuyển đất. Sở dĩ bản lĩnh là điều cần thiết bởi nó giúp con người đủ tự tin đối mặt với khó khăn. Mặt khác bản lĩnh tạo nên trái tim đầy ý chí, lòng quyết tâm cao độ, sự can đảm và nghị lực phi thường.Người bản lĩnh sẽ được mọi người yêu quý, tin cậy, bản thân họ cũng hiểu được sứ mệnh của mình là chỗ dựa cho người khác. Vì vậy, người bản lĩnh thường dễ dàng thành công trong cuộc sống. Các cầu thủ U 23 Việt Nam làm nên kì tích trước các đối thủ mạnh như Uzơ-bê-kit-tan, Quata, I-rắc cũng là nhờ bản lĩnh. Như vậy, bản lĩnh đã làm nên những điều kì diệu khiến cuộc sống trở nên đáng sống hơn. Tiếc rằng hiện nay vẫn còn có những người vừa thấy sóng cả đã ngả tay chèo, dễ dàng đầu hàng số phận và nghịch cảnh. Thiếu bản lĩnh sống, con người trở nên thật đáng thương. Tuy nhiên bản lĩnh không có nghĩa là liều lĩnh hành động bất chấp hậu quả để rồi phải hối tiếc về sau. Tóm lại, ai cũng cần biết cách nuôi dưỡng trong mình một bản lĩnh để sẵn sàng đối mặt với khó khăn gian khổ trong cuộc đời.

**Đề bài**

***Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em vềý nghĩa của sự chân thành trong tình yêu thương.***

**Bài làm**

 Tình yêu thương là báu vật của loài người nhưng yêu thương chỉ có giá trị thực sự khi nó gắn với sự chân thành. Chân thành là không giả dối, luôn xuất phát từ giá trị và tình cảm thực sự. Chân thành trong tình yêu thương nghĩa là dành cho người tình cảm thật của lòng mình, không hành động khác điều suy nghĩ. Sự chân thành đã quý nhưng chân thành trong tình yêu thương còn quý hơn nhiều. Bởi vì, yêu thương thuộc về thế giới tinh thần sâu thẳm không dễ gì đoán định và nắm bắt. Trong tình yêu, người ta luôn muốn cho đi và nhận lại. Khi đó, chân thành tạo cơ sở, nền tảng vững chắc cho mọi mối quan hệ. Mặt khác, cái gì xuất phát từ trái tim cũng sẽ dễ chạm đến trái tim con người. Sự chân thành làm nên gương mặt tâm hồn con người, tạo sự đồng cảm, thấu hiểu và thiện chí ở những người xung quanh. Chân thành còn giúp nâng cao vị thế, tạo sự tin tưởng và gắn kết bền vững. Vậy nên, chúng ta hãy học cách yêu thương chân thành để cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn mỗi ngày!

**Đề bài**

***Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về nguyên nhân dẫn tới thói đạo đức giả trong xã hội ngày nay và cách khắc phục.***

**Bài làm**

Đạo đức giả đã và đang trở thành vấn nạn trong những năm gần đây. Đạo đức là những chuẩn mực tốt đẹp được xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau trong xã hội. Đạo đức giả là đạo đức không chân thật. Nó biểu hiện ở cách ứng xử giả tạo, dùng vỏ bọc đạo đức bề ngoài để che đậy bản chất xấu xa bên trong nhằm đánh lừa người khác, mưu lợi cho riêng mình. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới căn bệnh đạo đức giả này. Trước hết là sự xuống cấp của luân lí đạo đức và những tác động của nền kinh tế thị trường với tâm lí thực dụng ở một số người. Khi mà cả xã hội đã quen với sự giả dối thì bệnh đạo đức giả cũng bùng phát. Ngoài ra, tâm lí xã hội quá coi trọng vật chất khiến cho tình người hao hụt. Giờ đây, để khẳng định giá trị một con người, xã hội thường nhìn vào khối lượng tài sản mà họ sở hữu. Bởi thế hình thành quan niệm có tiền là có tất cả, làm giàu bằng mọi cách… Và cũng không thể không kể đến sự hời hợt, trống rỗng trong căn cốt văn hóa ở phần đông những người trẻ tuổi dẫn tới việc chạy theo những giá trị ảo, tạo điều kiện cho sự giả dối lên ngôi. Để khắc phục căn bệnh thời đại này thứ nhất cần chú trọng giáo dục con người. Bởi cái xấu nào cũng do con người mà ra. Cần phải hướng con người tới chân – thiện – mĩ thì cái xấu sẽ tự lùi xa. Thứ hai, cần xây dựng một xã hội trong sạch,lành mạnh, nơi cái đẹp cái thiện có chỗ đứng cao quý, được tôn vinh,nêu gương. Thứ ba là tăng cường tuyên truyền, cổ động và phổ biến các giá trị đạo đức chuẩn trong đời sống. Tóm lại, cả xã hội cùng chung sức chung lòng, ắt sẽ đẩy lùi căn bệnh đạo đức giả.

**Đề bài**

***Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của emvề tình trạng lạm dụng điện thoại di động ở học sinh hiện nay.***

**Bài làm**

 Việc lạm dụng điện thoại di động ở học sinh đã và đang trở thành vấn nạn trong những năm gần đây. Điện thoại di động còn gọi là điện thoại cầm tay là loại điện thoại kết nối điện từ vào mạng viễn thông. Nhờ có kết nối sóng mà ĐTDĐ thực hiện trao đổi thông tin khi đang di chuyển. Hiện nay, ĐTDĐ đang trở thành một phương tiện phổ biến, có mặt ở khắp nơi trong đó có cả môi trường học đường. Học sinh sử dụng điện thoại để trao đổi thông tin, đọc báo, khai thác các tiện ích giải trí như xem phim, nghe nhạc, chat… nhiều hơn tìm đọc tài liệu phục vụ học tập. Thậm chí, với chiếc ĐTDĐ nhiều học sinh đăng tải các hình ảnh, nội dung phản cảm lên mạng xã hội, Đó là một thực tế đáng buồn. Lí giải cho việc sử dụng ĐT tràn lan như vậy, trước hết phải kể đến sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội nên nhiều gia đình có điều kiện trang bị cho con em mình những sản phẩm công nghệ tiện ích. Ngoài ra, thời kì hội nhập quốc tế cũng khiến các luồng văn hóa dễ dàng du nhập và được giới trẻ hấp thu nhanh chóng. Và không thể phủ nhận sự thực là học sinh ngày càng lười học, thích hưởng thụ hơn là lao động, cống hiến . Những nguyên nhân đó khiến tình trạng lạm dụng ĐT ngày càng gia tăng, gây nhiều hậu quả đáng tiếc. Đối với học sinh nghiện dùng ĐT sẽ lơ là việc học, suy giảm sức khỏe và trí nhớ, dễ mắc các bệnh về mắt và trí não. Còn sử dụng ĐT vào mục đích xấu có thể làm ảnh hưởng tới đời sống tinh thần của những người xung quanh, vi phạm thuần phong mĩ tục của dân tộc. Để khắc phục tình trạng trên, mỗi người cần biết tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp. Gia đình cần quan tâm giáo dục con em mình lối sống có văn hóa, đạo đức và hiểu biết pháp luật. Nhà trường và xã hội cũng cần siết chặt hơn trong việc quản lí. Tóm lại, hãy là người dùng ĐTDĐ khôn ngoan để tiện ích của thời đại công nghệ số phục vụ cuộc sống của chúng ta tốt hơn.

**Đề bài**

***Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng nói tục chửi thề của học sinh hiện nay.***

**Bài làm**

Hiện tượng nói tục chửi thề đang có nguy cơ gia tăng trong những năm gần đây ngay cả trong môi trường giáo dục. Nói tục chửi thề là dùng lời lẽ thiếu tế nhị, thiếu văn hóa trong giao tiếp nhằm bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác. Hiện nay, nói tục chửi thề diễn ra ở các cấp học, trở thành hiện tượng khó kiểm soát. Học sinh dùng lời lẽ tục tĩu trong tranh luận, bác bỏ ý kiến của người khác. Ngoài ra nhiều học sinh lên mạng xã hội chửi nhau để giải quyết mâu thuẫn. Thậm chí có khi nói tục còn được coi là một dấu hiệu của “dân chơi” để thể hiện mình trước bạn bè…Đó là một thực tế đáng buồn. Lí giải cho thực trạng này, trước hết phải kể đến thời đại kinh tế phát triển, các phương tiện thông tin tràn lan khiến hs dễ có cơ hội tiếp xúc với những ảnh hưởng xấu. Ngoài ra, việc a dua học đòi theo bạn bè cũng dễ dẫn đến thói quen nói tục chửi bậy ở HS. Và lứa tuổi mới lớn thích thể hiện mình nhưng nhận thức còn non nớt, chưa thấy tác hại của những hành vi thiếu văn hóa trong giao tiếp. Cuối cùng một phần do nhà trường còn buông lỏng quản lí, chưa chú trọng giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ, gia đình nuông chiều con em hoặc chính người lớn cũng chưa giữ gìn chuẩn mực trong nói năng khiến trẻ bắt chước. Những nguyên nhân đó dẫn đến tình trạng nói tục chửi bậy trở thành phổ biến ở học sinh, gây nên những hậu quả đáng tiếc. Đối với học sinh, việc thường xuyên nói bậy sẽ thành thói quen, ảnh hưởng đến kĩ năng giao tiếp, dễ bị mọi người xa lánh, ghét bỏ. Đối với những người tiếp xúc với những lời lẽ tục tĩu thiếu văn hóa đó sẽ bị tổn thương về tinh thần, gây tâm lí bực bội,ức chế khó kiểm soát hành vi dễ có những hành động gây hậu quả nghiêm trọng. Nếu không được ngăn chặn, thực trạng này sẽ lan tràn ra toàn xã hội,làm mất đi tính chất văn minh, tiến bộ. Để khắc phục tình trạng trên, mỗi người cần biết tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp. Gia đình cần quan tâm giáo dục con em mình lối sống có văn hóa, đạo đức và hiểu biết pháp luật. Nhà trường và xã hội cũng cần siết chặt hơn trong việc quản lí. Tóm lại, lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau!